

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



ASIA COMMERCIAL BANK



BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp : 0301452948-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp cho đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, số ĐKKD: 059067 ; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 11/10/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...435.../UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...17 tháng...11 năm...2010)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Hội sở Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu.

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84.8) 3929 0999 Fax: (84.8) 3839 9885.

Trụ sở Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Địa chỉ: 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 5404 3054 Fax: (84.8) 5404 3085.

Công ty TNHH Chứng khoán ACB – Chi nhánh Hà Nội.

Địa chỉ: số 95 – 97 Trần Quốc Toàn, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84.4) 3942 9396 Fax: (84.4) 3942 9408.

Phụ trách công bố thông tin:

Ông Nguyễn Thanh Toại – Phó Tổng Giám đốc ACB.

Số điện thoại: (84.8) 3929 0999 Fax: (84.8) 3839 9885.

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp: 0301452948-1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp cho đăng ký lần đầu ngày 19/05/1993, số ĐKKD: 059067; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 11/10/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu
- Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng số lượng đăng ký chào bán : 156.282.751 cổ phiếu
- Tổng giá trị đăng ký chào bán (theo mệnh giá): 1.562.827.510.000 đồng

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB (ACBS)

- Địa chỉ : 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 54 043 054 Fax: (08) 54 043 085
- Website : www.acbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán: CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS (VIỆT NAM)

- Địa chỉ : Lầu 4 Sài Gòn Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 38 230 796 Fax: (08) 38 251 947

MỤC LỤC

Phần I	6
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. 1. <i>Rủi ro về lãi suất</i>	5
1. 2. <i>Rủi ro về tín dụng</i>	5
1. 3. <i>Rủi ro về ngoại hối</i>	6
1. 4. <i>Rủi ro về thanh khoản</i>	6
1. 5. <i>Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng</i>	7
1. 6. <i>Rủi ro luật pháp</i>	7
1. 7. <i>Rủi ro của đợt chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán</i>	8
1. 8. <i>Rủi ro pha loãng giá, thu nhập trên mỗi cổ phần và pha loãng quyền bỏ phiếu</i>	8
1. 9. <i>Rủi ro khác</i>	9
PHẦN II	11
NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH	11
ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
2. 1. <i>Tổ chức phát hành</i>	11
2. 2. <i>Tổ chức tư vấn</i>	11
PHẦN III	12
CÁC KHÁI NIỆM	12
PHẦN IV	13
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
4. 1. <i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</i>	13
4. 2. <i>Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty</i>	17
4. 3. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:</i>	18
4. 4. <i>Cơ cấu cổ đông</i>	20
4. 5. <i>Danh sách công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, những công ty mà Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối</i>	

đối với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu:.....	21
4. 6. Hoạt động kinh doanh.....	22
4. 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008 – 30/09/2010.....	37
4. 8. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	40
4. 9. Chính sách đối với người lao động.....	41
4. 10. Chính sách phân phối lợi nhuận	43
4. 11. Tình hình hoạt động tài chính.....	43
4. 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	44
4. 13. Tài sản	65
4. 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010	67
4. 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	69
4. 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	71
4. 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới ACB	71
PHẦN V	72
CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN	72
5. 1. Loại chứng khoán :	72
5. 2. Mệnh giá :	72
5. 3. Tổng số chứng khoán đăng ký chào bán :	72
5. 4. Giá phát hành :.....	72
5. 5. Phương pháp tính giá:	72
5. 6. Phương thức phân phối.....	72
5. 7. Thời gian phân phối chứng khoán	72
5. 8. Đăng ký mua chứng khoán.....	72
5. 9. Phương thức thực hiện quyền	73
5. 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	73
5. 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	73
5. 12. Các loại thuế có liên quan.....	73
5. 13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền cổ phiếu	74
PHẦN VI	75

Email: acbs@acbs.com.vn - Website: www.acbs.com.vn

PHẦN I**CÁC NHÂN TỐ RỦI RO****1. 1. Rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất phát sinh khi có chênh lệch về kỳ hạn tái định giá giữa tài sản nợ và tài sản có của ngân hàng. Mỗi một biến động của tỷ lệ lãi suất ảnh hưởng trực tiếp và sâu rộng đến lợi nhuận của ngân hàng.

Đặc biệt, từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính thế giới năm 2008 đến nay, nền kinh tế thế giới vẫn còn hứng chịu những biến động về giá dầu mỏ và lượng cung cầu tiền tệ. Việt Nam chủ trương thi hành các chính sách thắt chặt tiền tệ và liên tục điều chỉnh lãi suất cơ bản hạn chế những biến động đó. Trong bối cảnh như vậy, ACB chủ trương thực hiện quản lý rủi ro lãi suất theo nguyên tắc cân trọng với những biện pháp tăng trưởng nguồn vốn huy động an toàn, giảm chi phí hoạt động kinh doanh hợp lý.

ACB có một ban chuyên về nghiên cứu chiến lược, dự đoán chính sách tiền tệ để có thể đưa ra những chính sách điều hành linh hoạt cho ngân hàng, từ đó quản lý rủi ro lãi suất. Hội đồng ALCO sử dụng nhiều công cụ để giám sát và quản lý rủi ro lãi suất, bao gồm: biểu đồ lệch kỳ hạn tái định giá (repricing gap), thời lượng của tài sản nợ và tài sản có (duration), hệ số nhạy cảm (factor sensitivity). Báo cáo về nội dung nói trên do Phòng Quản lý rủi ro của ACB lập định kỳ hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng cho từng loại tiền tệ và vàng. Dựa trên báo cáo và những nhận định về diễn biến, xu hướng của lãi suất trên thị trường trong các cuộc họp hàng tháng của Hội đồng ALCO, Ban điều hành ngân quỹ hàng ngày sẽ quyết định duy trì các mức chênh lệch thích hợp để định hướng cho các hoạt động của Ngân hàng.

1. 2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng xuất phát từ các hoạt động tín dụng khi khách hàng vay vi phạm các điều kiện của hợp đồng tín dụng làm giảm hay mất giá trị của tài sản có. Để duy trì rủi ro tín dụng ở mức thấp nhất, từ nhiều năm nay ACB đã thực hiện chính sách tín dụng thận trọng.

Để thực hiện xét duyệt và quyết định cấp các khoản tín dụng và bảo lãnh, ACB tổ chức thành ba cấp: Ban tín dụng tại các chi nhánh, Ban tín dụng Hội sở, Ban tín dụng phía Bắc và cấp cao nhất là Hội đồng tín dụng (HĐTD). HĐTD ACB bao gồm thành viên HĐQT và thành viên Ban điều hành. Bên cạnh việc quyết định cấp tín dụng hoặc bảo lãnh, HĐTD còn quyết định các vấn đề về chính sách tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng, hạn mức phán quyết của các Ban tín dụng. Nguyên tắc cấp tín dụng là sự nhất trí 100% của các thành viên xét duyệt. Các khách hàng vay cá nhân và doanh nghiệp đều được xếp hạng trong quá trình thẩm định. Sau khi thẩm định, phân tích và định lượng rủi ro, các hạn mức tín dụng hoặc các khoản vay độc lập sẽ được cấp cho từng khách hàng. Ngoài ra, ACB luôn nghiêm túc thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo đúng quy định của NHNN với mức trích lập đủ các khoản nợ quá hạn theo quyết

định của HĐQT. Việc thành lập Ban Chính sách và Quản lý tín dụng năm 2005 là nhằm chuyên nghiệp hóa công tác quản lý rủi ro tín dụng.

1. 3. Rủi ro về ngoại hối

Hoạt động ngoại hối của ACB chủ yếu nhằm phục vụ thanh toán quốc tế cho các khách hàng doanh nghiệp. Các hoạt động mua bán ngoại tệ trên thị trường quốc tế chiếm tỷ trọng không lớn. Quản lý rủi ro ngoại hối tập trung vào quản lý trạng thái ngoại hối ròng và các trạng thái kinh doanh vàng (không được dương hoặc âm quá 30% vốn tự có của Ngân hàng), tuân thủ đúng các quy định hiện hành của NHNN. Hội đồng ALCO quyết định và định kỳ xét duyệt lại hạn mức về trạng thái mở và hạn mức ngăn lỗ cho các nhân viên giao dịch ngoại hối. HĐQT xem xét, quyết định và định kỳ xét duyệt lại hạn mức giao dịch với các đối tác. Bên cạnh đó, việc sử dụng các công cụ tài chính có khả năng phòng ngừa rủi ro còn được Ban điều hành ngân quỹ xem xét nhằm tối ưu hóa thu nhập cho Ngân hàng.

1. 4. Rủi ro về thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là một trong các rủi ro rất quan trọng trong hoạt động ngân hàng. Do vậy rủi ro thanh khoản được Ngân hàng quan tâm đặc biệt. Quản lý rủi ro thanh khoản tại ACB được thực hiện trong một kế hoạch tổng thể về quản lý rủi ro thanh khoản và ứng phó với các sự cố rủi ro thanh khoản. Kể từ khi thành lập và đi vào hoạt động, Ngân hàng luôn đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản rất tốt và luôn tuân thủ các quy định về thanh khoản của NHNN. Hội đồng ALCO, Ban điều hành ngân quỹ, Phòng Quản lý rủi ro tùy theo phân cấp có trách nhiệm đưa ra những đánh giá định tính, định lượng thanh khoản, xây dựng khung quản lý rủi ro thanh khoản và giám sát rủi ro thanh khoản. Quản lý rủi ro thanh khoản tại ACB đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc cụ thể sau:

- Tuân thủ nghiêm các quy định của NHNN về tỷ lệ an toàn vốn và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng.
- Duy trì tỷ lệ tối thiểu 25% giữa giá trị các tài sản có có thể thanh toán ngay và các tài sản nợ sẽ đến hạn thanh toán trong thời gian một tháng tiếp theo.
- Duy trì tỷ lệ tối thiểu bằng một (1) giữa tổng tài sản có có thể thanh toán ngay trong khoảng thời gian bảy (7) ngày làm việc tiếp theo và tổng tài sản nợ phải thanh toán trong khoảng thời gian bảy (7) ngày làm việc tiếp theo.
- Tuân thủ các hạn mức thanh khoản quy định trong chính sách quản lý rủi ro thanh khoản do Hội đồng ALCO quy định.
- Tổng hợp và phân tích động thái của khách hàng gửi tiền, xây dựng kế hoạch sử dụng vốn cho hoạt động tín dụng và các hoạt động có rủi ro vốn.

ACB cũng thiết lập các định mức thanh khoản như là một công cụ dự phòng tài chính để ứng phó với các đột biến về thanh khoản. Căn cứ khả năng thanh toán ngay và khả năng chuyển

đổi thành thanh toán ngay, định mức thanh khoản chia làm bốn (4) cấp độ từ thấp đến cao. Trong mỗi cấp độ sẽ quy định rõ các loại thanh khoản. Kế hoạch thanh khoản dự phòng được thể hiện bằng văn bản và được Hội đồng ALCO xem xét cập nhật hàng tháng.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng kế hoạch ứng phó tình trạng khẩn cấp thanh khoản nhằm cung cấp cho lãnh đạo, trưởng các đơn vị, bộ phận và các nhân viên phương cách quản lý và ứng phó khi xảy ra sự cố thanh khoản. Các bước có quan hệ mật thiết với nhau trong quá trình ứng phó tình trạng khẩn cấp thanh khoản, bao gồm:

- Xây dựng kế hoạch: định nghĩa phân loại sự cố, mô phỏng các tình huống của sự cố và các hành động cụ thể để ứng phó. Kế hoạch phải thể hiện bằng văn bản được thiết lập trên công việc hàng ngày kể cả ngoài giờ làm việc. Kế hoạch phải được xem xét cập nhật ít nhất sáu (6) tháng một lần.
- Thực hiện hành động ứng phó có hệ thống.
- Kiểm soát phương thức quản lý tình trạng khẩn cấp: quản lý mọi hành động trong thời gian xảy ra sự cố, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình.

Kế hoạch ứng phó cũng bao gồm việc định nghĩa các mức độ khẩn cấp của thanh khoản và các biện pháp ngăn chặn, các định mức thanh khoản có thể sử dụng, các nguồn lực có thể huy động bao gồm cả nguồn lực bên trong và nguồn lực bên ngoài để ngăn chặn và đối phó với sự cố thanh khoản. Kế hoạch cũng quy định sơ đồ thông tin liên lạc đa chiều từ nhân viên đến lãnh đạo, và ra bên ngoài, cũng như phương tiện thông tin liên lạc và mức độ duy trì liên lạc.

Ngân hàng đã và đang triển khai tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật của cổ đông nước ngoài về quản trị rủi ro, trong đó bao gồm cả nâng cao trình độ quản trị rủi ro về thanh khoản.

1. 5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Các hoạt động ngoại bảng của ACB chủ yếu bao gồm các khoản cam kết cho vay và các hình thức bảo lãnh. Tỷ trọng các cam kết giao dịch ngoại hối như cam kết mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn (forward) và quyền chọn mua/bán ngoại tệ có tỷ lệ rất nhỏ. ACB thực hiện chính sách bảo lãnh thận trọng, phần lớn các khoản bảo lãnh đều có tài sản thế chấp. HĐTD quyết định các hạn mức bảo lãnh cấp cho các cá nhân và doanh nghiệp trên cơ sở được thẩm định chặt chẽ, được xem xét như khoản vay.

1. 6. Rủi ro luật pháp

ACB hoạt động trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, vì vậy, ngoài những văn bản quy phạm pháp luật chung của Nhà nước đối với doanh nghiệp bình thường, ACB còn được điều chỉnh bởi một hệ thống các văn bản dưới luật của Ngân hàng Nhà nước. Trước áp lực kiểm chế lạm phát, NHNN có thể ban hành những quy định điều chỉnh một số hoạt động của hệ thống ngân hàng để đạt được mục tiêu chung.

Rủi ro luật pháp liên quan những sự cố hoặc sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh làm

thiệt hại cho khách hàng và đối tác dẫn đến việc ngân hàng bị khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến rủi ro này là do con người hoặc hệ thống công nghệ thông tin.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ chính theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Đến nay, các quy trình nghiệp vụ chính đã được chuẩn hóa bao gồm: nghiệp vụ tiền gửi, chuyển tiền, tín dụng, bao thanh toán, nghiệp vụ quyền chọn, kinh doanh vàng và ngoại hối. Bên cạnh đó, các quy trình trong quản lý bao gồm: tuyển dụng, đào tạo, đánh giá nội bộ, thiết kế và phát triển sản phẩm, quản lý tài sản khách hàng, v.v. đã được tiêu chuẩn hóa. Hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng thường xuyên được cải tiến để nâng cao tính ổn định, an toàn và bảo mật. Ban pháp chế thuộc Khối Giám sát điều hành của Ngân hàng có nhiệm vụ chính trong việc đảm bảo các quyền lợi hợp lý và hợp pháp trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

1. 7. Rủi ro của đợt chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Trường hợp số lượng chứng khoán chào bán không đạt được như mục tiêu đề ra của phương án phát hành và ACB không thu được số tiền như đã dự kiến sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Ngân hàng không thực hiện bảo lãnh cho đợt phát hành này - đây được xem là một trong những rủi ro của đợt chào bán. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro này, ACB đã tính toán trên cơ sở thận trọng kế hoạch hoạt động kinh doanh trong các năm tới cũng như phương án chào bán và mức giá chào bán của đợt phát hành. Do đó, ACB sẽ đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu về vốn để thực hiện đúng tiến độ kế hoạch phát triển của ACB.

Nguồn vốn huy động trong đợt chào bán này chủ yếu để mua sắm thêm tài sản cố định, tăng vốn cho Công ty Cho thuê tài chính ACB và tăng năng lực cho vay của Ngân hàng. Do đó, các sẽ phát sinh các chi phí liên quan như: khấu hao, chi phí thuê văn phòng, chi phí nhân viên và tương ứng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của ACB.

Đối với việc mở rộng mạng lưới hoạt động, ACB đã tính toán thận trọng về vị trí các chi nhánh, phòng giao dịch cũng như về việc đầu tư tài sản cố định cho mạng lưới. Đồng thời, ACB đã cân nhắc kỹ lưỡng về tính khả thi của các khoản đầu tư để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất trong việc sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.

1. 8. Rủi ro pha loãng giá, thu nhập trên mỗi cổ phần và pha loãng quyền bỏ phiếu

Rủi ro về pha loãng giá cổ phiếu sau khi chào bán:

Tổng số cổ phần đang lưu hành của ACB trước thời điểm phát hành thêm là 781.413.755 cổ phần. Sau khi phát hành dự kiến tổng số phần lưu hành của Công ty sẽ là 937.696.506 cổ phần. Và giá cổ phiếu có thể sẽ bị giảm tương ứng.

Nhà đầu tư có thể tham khảo công thức giá cổ phiếu sau khi phát hành thêm như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thị trường của cổ} \\ \text{phiếu sau khi bị pha} \\ \text{loãng} \end{array} = \frac{\text{Giá thị trường của cổ} \\ \text{phiếu trước khi bị pha} \\ \text{loãng}}{\text{loãng}} + \frac{\text{Tỷ lệ} \\ \text{hưởng} \\ \text{quyền}}{\text{quyền}} \times \text{Giá chào bán cho} \\ \text{cổ đông hiện hữu}$$

1 + Tỷ lệ hưởng quyền

Theo phương án phát hành, Công ty chào bán cho cổ đông hiện hữu 156.282.751 cổ phần tương ứng tỷ lệ hưởng quyền là 20%. Giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phần.

Ví dụ: Giả sử giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng, hay trước ngày chốt danh sách cổ đông để hưởng quyền là 30.000 đồng/cổ phần.

Khi đó, giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng sẽ là:

$$\begin{aligned} \text{Giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng} &= \frac{30.000 \times + 20\% \times 10.000}{1 + 20\%} \\ &= 26.667 \text{ đồng/ cổ phần} \end{aligned}$$

Lưu ý: Giá thị trường trong ví dụ trên chỉ nhằm mục đích minh họa cụ thể cho nhà đầu tư thấy rõ về sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành, mà không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phiếu ACB vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để chào bán.

Rủi ro về pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần sau khi chào bán

Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức đưa vào giao dịch trên Sở giao dịch, nhà đầu tư nên lưu ý về việc thu nhập trên một cổ phần (EPS) và Giá trị sổ sách một cổ phần sẽ bị pha loãng như sau:

$$\begin{aligned} \text{EPS bình quân} &= \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}} \\ \text{Giá trị sổ sách 1 CP} &= \frac{\text{Nguồn VCSH – Nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}} \end{aligned}$$

Rủi ro về pha loãng quyền bỏ phiếu sau khi chào bán

Trong trường hợp toàn bộ cổ đông hiện hữu đồng ý mua hết số cổ phần được chào bán trong đợt phát hành này, quyền bỏ phiếu của cổ đông hiện hữu sau khi chào bán sẽ không thay đổi.

1. 9. Rủi ro khác

Rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lụt lội, cháy, nổ, v.v. Tại ACB, trên toàn hệ thống từ Hội sở đến các chi nhánh, phòng giao dịch và công ty trực thuộc, tất cả tài sản bao gồm nhà và thiết bị làm việc (hệ thống máy tính, các thiết bị văn phòng, v.v.) đều được mua bảo hiểm chống rủi ro cháy nổ. Ngoài ra, do đặc trưng của hoạt động ngân hàng, tiền và các tài sản giữ hộ của khách hàng trong kho và tiền vận chuyển trên đường đi đều được

mua bảo hiểm.

Một loại rủi ro khác mà ACB rất quan tâm và có nhiều biện pháp phòng ngừa là rủi ro trong vận hành. Rủi ro trong vận hành là những tổn thất phát sinh do cơ chế vận hành của ngân hàng không thích hợp, không tuân thủ đúng các quy trình, quy định nội bộ, nhầm lẫn của con người, các hành động ngoại vi như lừa đảo, tin tặc, v.v.

Để có thể quản lý loại rủi ro này ACB áp dụng các biện pháp sau:

- Áp dụng hệ thống chất lượng ISO 9001-2000 vào các quy trình huy động vốn, tín dụng, thanh toán quốc tế và cung ứng nguồn lực.
- Quy định phân công, phân quyền, hạn mức kinh doanh cho từng bộ phận.
- Đào tạo và đào tạo lại để không ngừng nâng cao trình độ nhân viên.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ.
- Hiện đại hóa hệ thống công nghệ thông tin. Nâng cao tính bảo mật và an toàn dữ liệu. Xây dựng hệ thống lưu trữ dự phòng dữ liệu liên tục.
- Định kỳ đánh giá lại hiệu quả của công tác quản lý rủi ro vận hành để có các biện pháp cải tiến kịp thời.
- Trích lập kịp thời quỹ dự phòng rủi ro.
- Mua bảo hiểm cho tài sản và nhân viên của ACB.
- Tổng hợp, phân tích về các loại rủi ro trong vận hành để rút ra các bài học phòng ngừa. Xây dựng hệ thống các dữ liệu rủi ro trong vận hành để phục vụ cho công tác quản lý rủi ro.

PHẦN II**NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH
ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****2. 1. Tổ chức phát hành****NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU**

Ông **TRẦN XUÂN GIÁ** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Ông **LÝ XUÂN HẢI** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Ông **NGUYỄN VĂN HÒA** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Ông **HUỖNH NGHĨA HIỆP** Chức vụ: **Trưởng Ban kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. 2. Tổ chức tư vấn**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

Đại diện theo pháp luật: Ông **NGUYỄN NGỌC CHUNG**

Chức vụ: **Quyền Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do **Công ty TNHH Chứng khoán ACB** tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn phát hành với **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu**. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu** cung cấp.

PHẦN III
CÁC KHÁI NIỆM

TỪ, NHÓM TỪ	DIỄN GIẢI
Ngân hàng/ACB	Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu
Tổ chức tư vấn/ ACBS	Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
Người có liên quan	Gồm những đối tượng được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11
CP	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
VĐL	Vốn điều lệ
ALCO	Hội đồng Quản lý tài sản nợ và tài sản có
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
NHTMNN	Ngân hàng thương mại Nhà nước
ROA	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản
ROE	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu
SCB	Ngân hàng Standard Chartered
TCTD	Tổ chức tín dụng
TCBS	Giải pháp ngân hàng toàn diện/ Hệ quản trị nghiệp vụ ngân hàng toàn diện (The Complete Banking Solution)
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Tài khoản nostro	Là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn mà ACB mở tại ngân hàng khác nhằm phục vụ mục đích thanh toán và giao dịch cho khách hàng và ACB

PHẦN IV**TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH****4. 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****4.1.1/ Lịch sử hình thành và phát triển**

Pháp lệnh về Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh về NHTM, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính được ban hành vào tháng 5/1990, đã tạo dựng một khung pháp lý cho hoạt động NHTM tại Việt Nam. Trong bối cảnh đó, NHTMCP Á Châu đã được thành lập theo Giấy phép số 0032/NH-GP do NHNN cấp ngày 24/04/1993, Giấy phép số 533/GP-UB do Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 13/05/1993. Ngày 04/06/1993, ACB chính thức đi vào hoạt động.

Tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược nêu trên được cổ đông và nhân viên ACB đồng tâm bám sát trong suốt hơn 17 năm hoạt động của mình và những kết quả đạt được đã chứng minh rằng đó là các định hướng đúng đối với ACB. Đó cũng chính là tiền đề giúp Ngân hàng khẳng định vị trí dẫn đầu của mình trong hệ thống NHTM tại Việt Nam trong lĩnh vực bán lẻ. Dưới đây là một số cột mốc đáng nhớ của ACB:

- **Giai đoạn 1993 - 1995:** Đây là giai đoạn hình thành ACB. Những người sáng lập ACB có năng lực tài chính, học thức và kinh nghiệm thương trường, cùng chia sẻ một nguyên tắc kinh doanh là “quản lý sự phát triển của doanh nghiệp an toàn, hiệu quả” và đó là chất kết dính tạo sự đoàn kết bấy lâu nay. Giai đoạn này, xuất phát từ vị thế cạnh tranh, ACB hướng về khách hàng cá nhân và doanh nghiệp trong khu vực tư, với quan điểm thận trọng trong việc cấp tín dụng, đi vào sản phẩm dịch vụ mới mà thị trường chưa có (cho vay tiêu dùng, dịch vụ chuyển tiền nhanh Western Union, thẻ tín dụng).
- **Giai đoạn 1996 - 2000:** ACB là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam phát hành thẻ tín dụng quốc tế MasterCard và Visa. Năm 1997, ACB bắt đầu tiếp cận nghiệp vụ ngân hàng hiện đại theo một chương trình đào tạo toàn diện kéo dài hai năm, do các giảng viên nước ngoài trong lĩnh vực ngân hàng thực hiện. Năm 1999, ACB triển khai chương trình hiện đại hóa công nghệ thông tin ngân hàng, xây dựng hệ thống mạng diện rộng, nhằm trực tuyến hóa và tin học hóa hoạt động giao dịch. Năm 2000, ACB đã thực hiện tái cấu trúc như là một bộ phận của chiến lược phát triển trong nửa đầu thập niên 2000. Cơ cấu tổ chức được thay đổi theo định hướng kinh doanh và hỗ trợ. Ngoài các khối, còn có một số phòng ban do Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo. Hoạt động kinh doanh của Hội sở được chuyển giao cho Sở giao dịch (Tp. HCM). Việc tái cấu trúc nhằm đảm bảo sự chỉ đạo xuyên suốt toàn hệ thống; sản phẩm được quản lý theo định hướng khách hàng và được thiết kế phù hợp với từng phân đoạn khách hàng; quan tâm đúng mức việc phát triển kinh doanh và quản lý rủi ro.
- **Giai đoạn 2001 – 2005:** Cuối năm 2001, ACB chính thức vận hành hệ thống công nghệ ngân hàng lõi là TCBS (The Complete Banking Solution: Giải pháp ngân hàng toàn diện), cho phép tất cả chi nhánh và phòng giao dịch nối mạng với nhau, giao dịch tức thời, dùng

chung cơ sở dữ liệu tập trung. Năm 2003, ACB xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và được công nhận đạt tiêu chuẩn trong các lĩnh vực (i) huy động vốn, (ii) cho vay ngắn hạn và trung dài hạn, (iii) thanh toán quốc tế và (iv) cung ứng nguồn lực tại Hội sở. Năm 2005, ACB và Ngân hàng Standard Chartered (SCB) ký kết thỏa thuận hỗ trợ kỹ thuật toàn diện; và SCB trở thành cổ đông chiến lược của ACB. ACB triển khai giai đoạn hai của chương trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, bao gồm các cấu phần (i) nâng cấp máy chủ, (ii) thay thế phần mềm xử lý giao dịch thẻ ngân hàng bằng một phần mềm mới có khả năng tích hợp với nền công nghệ lõi hiện có, và (iii) lắp đặt hệ thống máy ATM.

- **Giai đoạn 2006 đến 2009:** ACB niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào tháng 11/2006. Năm 2007, ACB đẩy nhanh việc mở rộng mạng lưới hoạt động, thành lập mới 31 chi nhánh và phòng giao dịch, thành lập Công ty Cho thuê tài chính ACB, hợp tác với các đối tác như Open Solutions (OSI) – Thiên Nam để nâng cấp hệ ngân hàng cốt lõi, hợp tác với Microsoft về áp dụng công nghệ thông tin vào vận hành và quản lý, hợp tác với SCB về phát hành trái phiếu. ACB phát hành 10 triệu cổ phiếu mệnh giá 100 tỷ đồng, với số tiền thu được là hơn 1.800 tỷ đồng. Năm 2008, ACB thành lập mới 75 chi nhánh và phòng giao dịch, hợp tác với American Express về séc du lịch, triển khai dịch vụ chấp nhận thanh toán thẻ JCB. ACB tăng vốn điều lệ lên 6.355 tỷ đồng. ACB đạt danh hiệu “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2008” do Tạp chí Euromoney trao tặng tại Hong Kong.
- Riêng trong năm 2009, ACB hoàn thành cơ bản chương trình tái cấu trúc nguồn nhân lực, tái cấu trúc hệ thống kênh phân phối, xây dựng mô hình chi nhánh theo định hướng bán hàng. Tăng thêm 51 chi nhánh và phòng giao dịch. Hệ thống chấm điểm tín dụng đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp cũng đã hoàn thành và áp dụng chính thức. Hệ thống bàn trợ giúp (help desk) bắt đầu được triển khai. Và lần đầu tiên tại Việt Nam, chỉ có ACB nhận được 6 giải thưởng “Ngân hàng tốt nhất Việt nam năm 2009 ” do 6 tạp chí tài chính ngân hàng danh tiếng quốc tế bình chọn (Asiamoney, FinanceAsia, Global Finance, Euromoney, The Asset và The Banker).
- **Tính đến ngày 09/10/2010,** ACB nhận được 4 giải thưởng Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2010. từ các tạp chí tài chính danh tiếng là Asiamoney, FinanceAsia, The Asian Banker và Global Finance.

4.1.2/ Giới thiệu về Công ty

- | | |
|-------------------------|--|
| - Tên tổ chức | NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU |
| - Tên giao dịch quốc tế | ASIA COMMERCIAL BANK |
| - Trụ sở chính | 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh |
| - Điện thoại | (84.8) 3929 0999 |
| - Website | www.acb.com.vn |



- Logo
- Vốn điều lệ **7.814.137.550.000 đồng**
- **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:**
 - ✓ Huy động vốn ngắn, trung và dài hạn theo các hình thức tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, chứng chỉ tiền gửi; tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư; nhận vốn từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; Cho vay ngắn, trung và dài hạn; chiết khấu thương phiếu, công trái và giấy tờ có giá; đầu tư vào chứng khoán và các tổ chức kinh tế;
 - ✓ Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
 - ✓ Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc;
 - ✓ Thanh toán quốc tế, bao thanh toán;
 - ✓ Môi giới và đầu tư chứng khoán; lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành;
 - ✓ Cung cấp các dịch vụ về đầu tư, quản lý nợ và khai thác tài sản, cho thuê tài chính và các dịch vụ ngân hàng khác.

4.1.3/ **Thành tích đạt được**

Với tầm nhìn và chiến lược đúng đắn, chính xác trong đầu tư công nghệ và nguồn nhân lực, nhạy bén trong điều hành và tinh thần đoàn kết nội bộ, trong điều kiện ngành ngân hàng có những bước phát triển mạnh mẽ và môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện cùng sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, ACB đạt được nhiều bằng khen và thành tích, nổi bật bao gồm:

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
1997	Chứng nhận “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam”	Tạp chí Euromoney
1999	Chứng nhận “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam”	Tạp chí Global Finance Magazine (USA)
2001	Một trong 500 ngân hàng hàng đầu Châu Á	Tạp chí Asiaweek
2002	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam Bằng khen về thành tích nâng cao chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ	Hội đồng xét duyệt Quốc gia Thủ tướng Chính phủ
2005	Ngân hàng tốt nhất Việt nam	Tạp chí The Banker, thuộc tập đoàn Financial Times, Anh quốc
2006	Bằng khen trong việc đẩy mạnh ứng dụng phát triển công nghệ thông tin, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ	Thủ tướng Chính phủ

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
	Tổ quốc Huân chương lao động hạng III	Chủ tịch Nước
2007	Cúp thủy tinh về Thành tựu về lãnh đạo trong ngành ngân hàng Việt Nam năm 2006 (The Leadership Achievement Award for the Financial Services Industry in Vietnam 2006)	The Asian Banker
2008	Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2007 (Best Bank in Vietnam 2007)	Tạp chí Euromoney
2009	Huân chương lao động hạng Nhì Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2009 (Best Bank in Vietnam 2009)	Chủ tịch nước Tạp chí Global Finance, Tạp chí Euromoney, Tạp chí Asiamoney, Tạp chí FinanceAsia
2010	Ngân Hàng có dịch vụ thanh toán vượt trội năm 2010 Ngân hàng vững mạnh nhất Việt Nam 2010 Ông Lý Xuân Hải - Tổng Giám đốc ACB nhận giải thưởng "Lãnh đạo Ngân hàng xuất sắc nhất Việt Nam 2010" Ngân Hàng tốt nhất Việt Nam năm 2010 Ngân Hàng nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2010 Ngân Hàng tốt nhất Việt Nam năm 2010	Tạp chí The Asset Tạp chí The Asian Banker Tạp chí The Asian Banker Tạp chí Global Finance Tạp chí AsiaMoney Tạp chí FinanceAsia

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

4.1.4/ Quá trình tăng vốn của Công ty

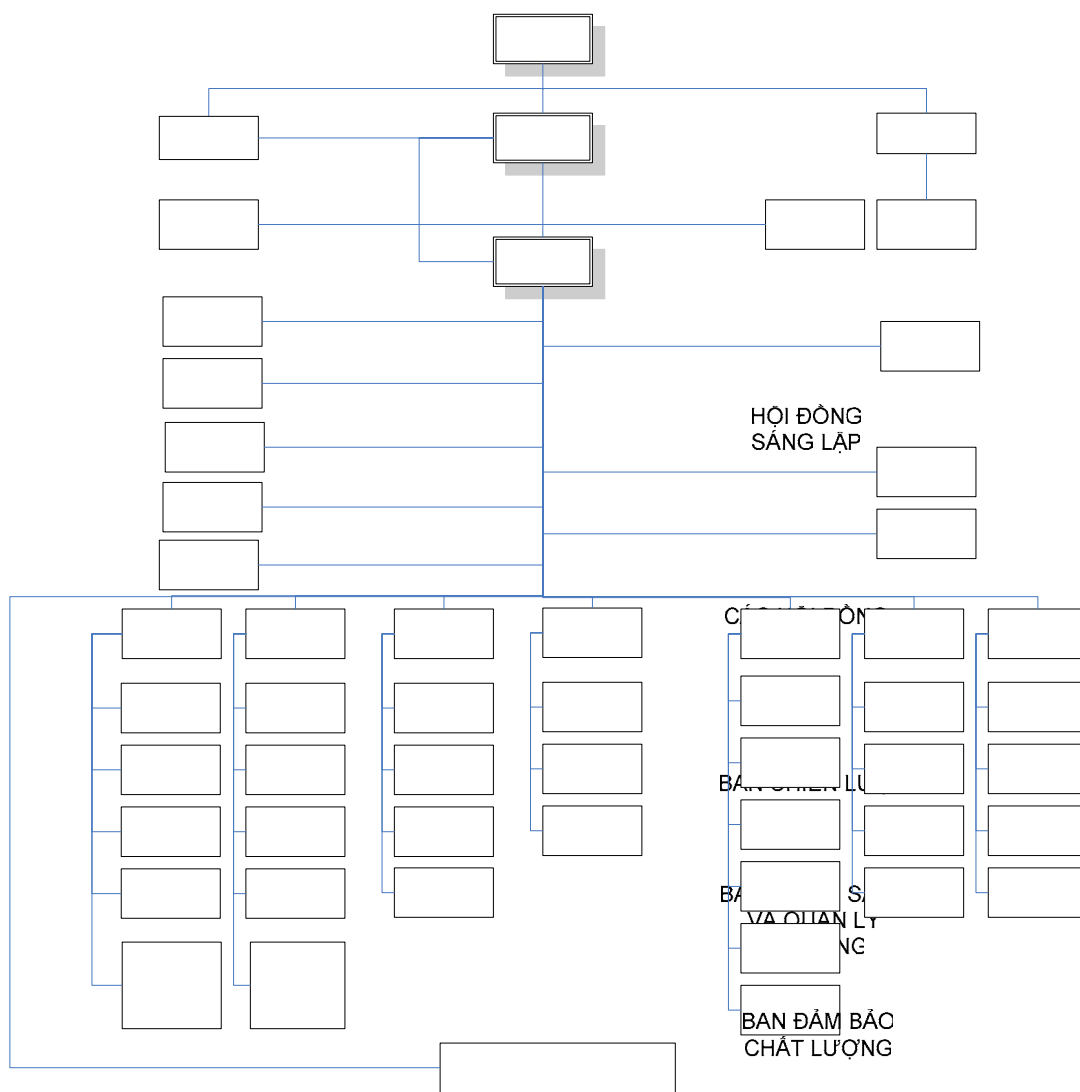
Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng	Vốn điều lệ (đồng)
31/12/2004	-	-	481.138.000.000
21/3/2005	118.862.000.000	Cổ tức năm 2004 (24,7%)	600.000.000.000
19/7/2005	56.180.000.000	Phát hành cổ phần cho SCB	656.180.000.000
11/8/2005	292.136.000.000	Phát hành cổ phần cho SCB	948.316.000.000
09/3/2006	151.730.560.000	Cổ tức năm 2005 (16%)	1.100.046.560.000
31/5/2007	330.013.960.000	Cổ tức năm 2006 (30%)	1.430.060.520.000

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng	Vốn điều lệ (đồng)
31/5/2007	1.100.046.000.000	Từ TPCĐ đợt 1 năm 2006 (2/3)	2.530.106.520.000
12/12/2007	99.953.440.000	Phát hành 100 tỷ mệnh giá cổ phần	2.630.059.960.000
07/10/2008	550.023.000.000	Từ TPCĐ đợt 1 năm 2006 (1/3)	3.180.082.960.000
07/10/2008	1.471.532.980.000	Cổ tức năm 2007 (55%) + 25 tỷ thưởng cho cán bộ nhân viên	4.651.615.940.000
15/12/2008	1.704.196.840.000	Phát hành cổ phiếu thưởng từ Quỹ dự trữ bổ sung VĐL	6.355.812.780.000
10/9/2009	1.349.931.000.000	Từ TPCĐ đợt 2 năm 2006 (2/3)	7.705.743.780.000
27/11/2009	108.393.770.000	Từ Quỹ dự trữ bổ sung VĐL	7.814.137.550.000

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

4. 2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

4. 2.1/ Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty



4. 3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

4. 3.1/ Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

PHÒNG ĐẦU TƯ

TRUNG TÂM
VÀNG

KHỐI
KHÁCH HÀNG
CÁ NHÂN

KHỐI
KHÁCH HÀNG
DOANH NGHIỆP

Các phòng bán
hàng

Các phòng bán
hàng

Các phòng hỗ trợ

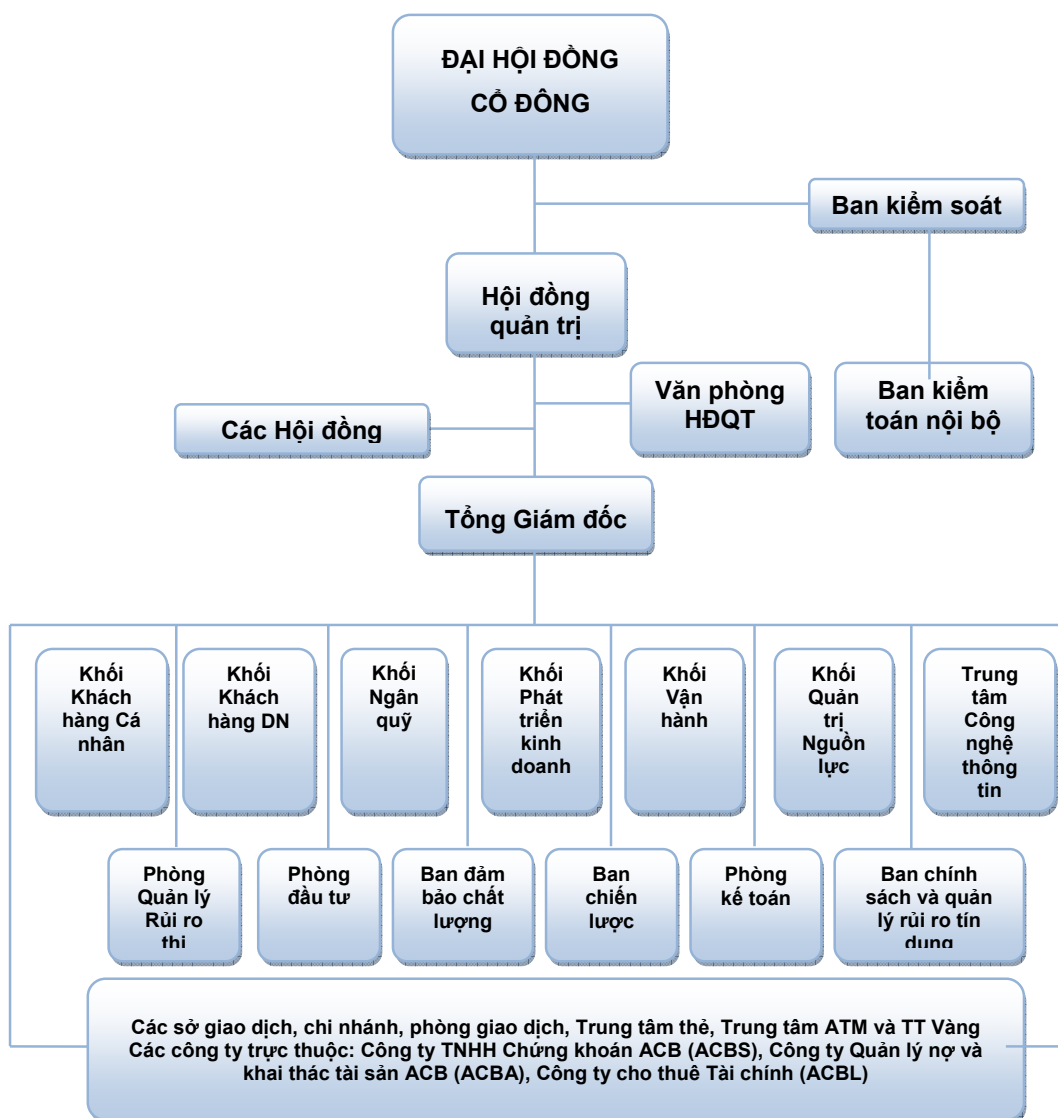
Các phòng hỗ trợ

Các phòng nghiệp
vụ

Các phòng
nghiệp vụ

Các phòng sản
phẩm

Các phòng
sản phẩm



4. 3.2/ Diễn giải sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Ngân hàng quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng...

Hội đồng quản trị

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội

đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Ngân hàng, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban kiểm soát

Do ĐHCĐ bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng.

Các Hội đồng

Do HĐQT thành lập, làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Hiện nay, Ngân hàng có 04 Hội đồng, bao gồm:

- Hội đồng nhân sự có chức năng tư vấn cho Hội đồng quản trị các vấn đề về chiến lược quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng để phát huy cao nhất sức mạnh của nguồn nhân lực, phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của Ngân hàng.
- Hội đồng tín dụng có chức năng xét cấp tín dụng, phê duyệt hạn mức tiền gửi của Ngân hàng tại các tổ chức tín dụng khác, phê duyệt việc áp dụng biện pháp xử lý nợ và miễn giảm lãi; quyết định về chính sách tín dụng và quản lý rủi ro tín dụng trên toàn hệ thống.
- Hội đồng đầu tư có chức năng thẩm định các dự án đầu tư và đề xuất ý kiến cho cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư.
- Hội đồng ALCO có chức năng quản lý cấu trúc bảng tổng kết tài sản của Ngân hàng, xây dựng và giám sát các chỉ tiêu tài chính, tín dụng phù hợp với chiến lược kinh doanh của Ngân hàng

Tổng giám đốc

Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về hoạt động hàng ngày của Ngân hàng. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc khối, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

4. 4. Cơ cấu cổ đông

Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Ngân hàng trở lên

Căn cứ vào danh sách cổ đông của Ngân hàng chốt vào ngày 05/02/2010, cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ của Ngân hàng trở lên bao gồm:

Họ và tên	Địa chỉ	SĐKKD	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Connaught Investors Ltd.	C/O Jardine Matheson Ltd., 48 th Floor, Jardine House, Central Hong Kong.	EC13292	56.762.362	7,26%
Dragon Financial Holdings Ltd.	C/O 1901 Me Linh Point Tower, 02 Ngõ Đức Kế, Q. 1, Tp. HCM, Việt Nam	163266	53.249.693	6,81%
Standard Chartered APR Ltd.	01 Aldermanbury Square, London, EC2V 7SB, United Kingdom.	5215167	68.553.236	8,77%
Standard Chartered Bank (Hong Kong) Ltd.	32 nd Floor 4-4A Des Voeux Road, Central, Hong Kong.	875305	48.662.619	6,23%
Tổng cộng			227.227.910	29,07%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

Cơ cấu cổ đông Ngân hàng tại ngày 05/02/2010

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	CĐ trong nước		CĐ nước ngoài		Tổng	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn điều lệ	5.480.175	70,13%	2.333.962	29,87%	7.814.138	100%
Cổ đông là pháp nhân	1.270.179	16,25%	2.333.898	29,87%	3.604.077	46,12%
Cổ đông là cá nhân	4.209.996	53,88%	65	0,00%	421.006	53,88%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

4. 5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu, những công ty mà Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu:

4.5.1. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối ACB:

Không có.

4.5.2. Danh sách công ty mà ACB góp vốn:

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS)	107N Trương Định, P. 6, Q. 3, Tp. HCM.	1.500	100% (đầu tư trực tiếp bởi ACB)
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA)	442 Nguyễn Thị Minh Khai, P. 5, Q. 3, Tp. HCM.	340	100% (đầu tư trực tiếp bởi ACB)
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL)	45 Võ Thị Sáu, P. Đakao, Q.1, TP. HCM	200	100% (đầu tư trực tiếp bởi ACB)
Công ty TNHH Quản lý quỹ Ngân hàng Á Châu (ACBC)	45 Võ Thị Sáu, P. Đakao, Q.1, TP. HCM	50	100% (đầu tư gián tiếp bởi công ty con)
Tổng cộng		2.090	

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

4. 6. Hoạt động kinh doanh
4. 6. 1/ Ngành nghề kinh doanh chính
a. Chủng loại và chất lượng sản phẩm

Với định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng để trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu của Việt Nam, ACB hiện đang thực hiện đầy đủ các chức năng của một ngân hàng bán lẻ. Danh mục sản phẩm của ACB rất đa dạng tập trung vào các phân đoạn khách hàng mục tiêu, bao gồm cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sau khi triển khai thực hiện chiến lược tái cấu trúc, việc đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng đã trở thành công việc thường xuyên và liên tục. Các sản phẩm của ACB luôn dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, có độ an toàn và bảo mật cao.

Trong huy động vốn, ACB là ngân hàng có nhiều sản phẩm tiết kiệm cả nội tệ lẫn ngoại tệ và vàng, thu hút mạnh nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư. Các sản phẩm huy động vốn của ACB rất đa dạng thích hợp với nhu cầu của dân cư và tổ chức.

Với uy tín, thương hiệu ACB, tính thích hợp của sản phẩm cùng với mạng lưới phân phối trải rộng, ACB đã thu hút mạnh nguồn vốn nhàn rỗi trong dân cư và doanh nghiệp. Với tốc độ tăng trưởng rất nhanh, ACB có điều kiện phát triển nhanh về quy mô, gia tăng khoảng cách so với các đối thủ cạnh tranh chính trong hệ thống NHTMCP và thu hẹp khoảng cách với các NHTMNN.

Các sản phẩm tín dụng mà ACB cung cấp rất phong phú, nhất là dành cho khách hàng cá nhân. ACB là ngân hàng đi đầu trong hệ thống ngân hàng Việt Nam cung cấp các loại tín dụng cho cá nhân như: cho vay trả góp mua nhà, nền nhà, sửa chữa nhà; cho vay sinh hoạt tiêu dùng; cho vay tín chấp dựa trên thu nhập người vay, cho vay du học, v.v...

Các dịch vụ ngân hàng do ACB cung cấp có hàm lượng công nghệ cao, phù hợp với xu thế ứng dụng công nghệ thông tin và nhu cầu khách hàng tại từng thời kỳ.

Một sản phẩm gắn liền với hình ảnh và thương hiệu ACB trên thị trường nhà đất chính là các siêu thị địa ốc ACB. Thông qua các siêu thị này, ngoài việc làm cầu nối giữa người mua nhà và người bán, ACB cung cấp các dịch vụ về tư vấn, trung gian thanh toán và cho vay, giúp cho người mua lẫn người bán được an toàn, nhiều người dân có cơ hội sở hữu nhà. Đây là một sản phẩm rất thành công của ACB.

Là một ngân hàng bán lẻ, ACB cũng cung cấp danh mục đa dạng các sản phẩm ngân quỹ và thanh toán. Với hệ thống công nghệ thông tin tiên tiến, các dịch vụ thanh toán, chuyển tiền được xử lý nhanh chóng, chính xác và an toàn với nhiều tiện ích cộng thêm cho khách hàng. Thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ và vàng cũng là những mảng kinh doanh truyền thống của ACB từ nhiều năm nay.

ACB đang từng bước giới thiệu các sản phẩm phái sinh cho thị trường. Danh mục các sản phẩm phái sinh ACB cung cấp bao gồm: mua bán ngoại tệ giao ngay hoặc có kỳ hạn, quyền chọn mua bán ngoại tệ và vàng.

ACB tiên phong trong hợp tác với Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Prudential và Công ty Bảo hiểm Nhân thọ AIA để đưa ra sản phẩm liên kết là dịch vụ tư vấn bảo hiểm qua ngân hàng.

ACB cũng là ngân hàng đi đầu cung cấp dịch vụ quản lý tiền gửi cho các công ty chứng khoán.

Với nguồn vốn huy động khá lớn, ACB hoạt động mạnh trên thị trường mở và thị trường liên ngân hàng. ACB tham gia đấu thầu và mua các loại trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu đô thị với doanh số hàng nghìn tỷ đồng/năm. Các hoạt động này góp phần làm tăng thu nhập đáng kể cho Ngân hàng. ACB cũng thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp bằng hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua ACBS.

Chất lượng các sản phẩm dịch vụ của ACB được các khách hàng đón nhận, được nhiều tổ chức trong và ngoài nước bình bầu đánh giá cao qua các năm. Nhiều giải thưởng lớn do khách hàng và các tổ chức quản lý nhà nước, các đối tác nước ngoài dành cho ACB là một minh chứng quan trọng cho điều này.

b. Huy động vốn

Nguồn vốn huy động của ACB liên tục tăng qua các năm, với tốc độ tăng trưởng năm 2009 đạt 47,5% và số dư huy động tính đến cuối tháng 9/2010 là 164.284 tỷ đồng.

Tình hình huy động vốn của ACB đến 30/09/2010

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/09/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Vay NHNN	0	0,0%	10.256.943	7,6%	10.458.220	6,4%
Tiền gửi và tiền vay từ các TCTD khác	9.901.891	10,9%	10.449.828	7,8%	17.176.208	10,5%
Tiền gửi của khách hàng (bao gồm chứng chỉ tiền gửi)	75.112.843	82,4%	108.991.784	81,0%	130.148.501	79,2%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay	298.865	0,3%	270.304	0,2%	315.127	0,2%
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	0	0,0%	23.351	0,0%	676.045	0,4%
Trái phiếu (chuyển đổi)	5.859.931	6,4%	4.510.000	3,4%	5.510.000	3,4%
Cộng	91.173.530	100,0%	134.502.210	100,0%	164.284.099	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Trong đó:

Vay từ NHNN, tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng

Trước những khó khăn trong việc huy động từ TGKH trong các tháng đầu năm 2010 và tác động việc điều chỉnh chính sách đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo Thông tư 13 thì nhu cầu vốn từ thị trường cấp 2 trở nên cần thiết hơn so với cùng kỳ năm trước đối với tất cả các ngân hàng, không loại trừ ACB. Tỷ trọng nguồn vốn từ thị trường cấp 2 của ACB trên tổng nguồn vốn huy động thời điểm 30/09/2010 khoảng 17%, so với khoảng 25% của một số ngân hàng đồng đẳng khác, chẳng hạn như Eximbank (25%) và Techcombank (28%).

Về tiền vay từ NHNN, số dư cuối năm 2009 của ACB là 10.257 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 7,6% trong tổng vốn huy động. Tỷ trọng nguồn vốn này trong tổng vốn huy động của ACB đến thời điểm 30/09/2010 giảm nhẹ còn 6,4% trong khi số dư tăng khoảng 201 tỷ so với đầu năm.

Về tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng, số dư đến 30/09/2010 là hơn 17.176 tỷ đồng, tăng khoảng 6.726 tỷ đồng so với đầu năm và chiếm 10,5% tổng vốn huy động của ACB.


Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư cho vay:

Các khoản vốn ACB nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và tổ chức khác đến 30/9/2010 đạt 315 tỷ đồng, chủ yếu là từ các tổ chức quốc tế tài trợ cho các dự án của Chính phủ. Khoản vốn này chiếm tỷ trọng nhỏ (khoảng 0,2%) trong tổng vốn huy động của ACB và phần chênh lệch tăng/giảm không đáng kể qua các năm.

 Tiền gửi của khách hàng:

Tiền gửi của khách hàng trong nước đến 30/9/2010 là 130.149 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 79% trong nguồn vốn huy động của ACB. Số liệu qua các thời điểm cho thấy ACB luôn duy trì được tỷ trọng nguồn tiền gửi khách hàng ở mức cao (khoảng 80%). Và đặc biệt năm 2009 huy động tiền gửi khách hàng của ACB đạt tốc độ tăng trưởng gấp 1,6 lần của ngành (45% so với 27%).

Cơ cấu huy động vốn từ năm 2008 đến 30/9/2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/09/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Phân theo kỳ hạn						
- Ngắn hạn.	46.384.070	50,9%	65.001.015	48,3%	72.545.029	44,2%
- Trung, dài hạn.	44.789.460	49,1%	69.501.195	51,7%	91.739.070	55,8%
Phân theo tổ chức						
- Ngoài nước	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
- Trong nước	91.173.530	100,0%	134.502.210	100,0%	164.284.099	100,0%
Phân theo loại hình						
+ Vốn nhận từ Chính phủ, các tổ chức quốc tế và các tổ chức khác.	298.865	0,3%	270.304	0,2%	315.127	0,2%
+ Vốn từ NHNN và các tổ chức tín dụng.	9.901.891	10,9%	20.706.771	15,4%	27.634.427	16,8%
+ Vốn huy động tiền gửi khách hàng.	75.112.843	82,4%	108.991.784	81,0%	130.148.501	79,2%
+ Trái phiếu, Trái phiếu chuyển đổi và các công cụ phái sinh	5.859.931	6,4%	4.533.351	3,4%	6.186.045	3,8%
Tổng cộng	91.173.530	100%	134.502.210	100%	164.284.099	100%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Nguồn vốn huy động phân theo kỳ hạn của ACB có sự thay đổi theo hướng nguồn vốn trung, dài hạn ngày càng chiếm tỷ trọng cao hơn. Nếu như các năm 2005, 2006, 2007, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn dao động trong khoảng 80% thì đến năm 2008 tỷ lệ này còn 51% và số liệu tương ứng cuối 2009 và 30/09/2010 chỉ còn lần lượt là 48% và 44%.

Bên cạnh đó, toàn bộ nguồn vốn huy động của ACB là huy động từ trong nước. Về loại hình, chủ yếu là do huy động từ tiền gửi của khách hàng và trái phiếu. Hai khoản mục này

chiếm 83% vốn huy động của ACB vào thời điểm 30/09/2010.

c. Sử dụng vốn



Hoạt động tín dụng

Trong các năm qua, hoạt động tín dụng của ACB luôn đạt mức tăng trưởng tốt. Tính đến 30/9/2010, tổng dư nợ cho vay của ACB (bao gồm dư nợ cho vay tổ chức tín dụng) đạt 80.907 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân năm trong giai đoạn 2005-2009 là 59,8%. Các sản phẩm của ACB đáp ứng nhu cầu đa dạng của mọi thành phần kinh tế, cung cấp nhiều sản phẩm tín dụng như cho vay bổ sung vốn lưu động, tài trợ và đồng tài trợ các dự án đầu tư, cho vay sinh hoạt tiêu dùng, cho vay sửa chữa nhà, cho vay mua nhà, cho vay du học, cho vay cán bộ công nhân viên, tài trợ xuất nhập khẩu, bao thanh toán, v.v.

Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu (*)	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổ chức tín dụng	-	0,00%	4.000	0,01%	100	0,00%
Khách hàng	34.832.700	100,00%	62.357.978	99,99%	80.906.614	100,00%
Tổng cộng	34.832.700	100,00%	62.361.978	100,00%	80.906.714	100,00%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/9/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Chi tiết dư nợ cho vay và tạm ứng cho khách hàng (**không bao gồm các tổ chức tín dụng**) được thể hiện như sau:

Phân loại theo loại hình cho vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay ngắn hạn	15.937.627	45,8%	35.614.113	57,1%	42.806.894	52,9%
Cho vay trung và dài hạn	17.532.288	50,3%	24.921.334	40,0%	35.923.883	44,4%
Cho vay đồng tài trợ	1.362.785	3,9%	1.822.530	2,9%	2.175.837	2,7%
Cho vay từ nguồn tài trợ chính phủ, các tổ chức quốc tế và tổ chức khác	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%
Các khoản nợ chờ xử lý	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%

(*) Số liệu dư nợ tính trước dự phòng rủi ro tín dụng.

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng cộng	34.832.700		62.357.978		80.906.614	
Dự phòng rủi ro tín dụng	228.623		501.994		673.345	
Danh mục cho vay (thuần)	34.604.077		61.855.984		80.233.268	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Tăng trưởng nhanh và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu cho vay theo thời hạn vay là loại hình cho vay ngắn hạn, tiếp đến là cho vay trung và dài hạn:

Phân loại theo tiền tệ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/09/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay bằng đồng Việt Nam	24.563.580	70,5%	51.552.735	82,7%	54.516.627	67,4%
Cho vay bằng ngoại tệ và vàng	10.269.120	29,5%	10.805.243	17,3%	26.389.987	32,6%
Tổng cộng	34.832.700	100,0%	62.357.978	100,0%	80.906.614	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Phân loại theo ngành nghề

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Dịch vụ cá nhân và cộng đồng	17.709.042	50,8%	22.939.330	36,8%	33.836.194	41,8%
Thương mại	8.175.846	23,5%	19.831.560	31,8%	23.597.397	29,2%
Sản xuất và gia công chế biến	4.514.346	13,0%	11.266.591	18,1%	11.652.343	14,4%
Xây dựng	946.652	2,7%	2.373.316	3,8%	3.067.904	3,8%
Kho bãi, giao thông vận tải, và thông tin liên lạc	739.817	2,1%	1.756.209	2,8%	2.640.543	3,3%
Nông lâm nghiệp	221.790	0,6%	166.870	0,3%	201.110	0,2%
Dịch vụ tài chính	4.300	0,0%	630.766	1,0%	1.094.354	1,4%

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tư vấn, kinh doanh bất động sản	608.307	1,7%	519.614	0,8%	1.057.145	1,3%
Khách sạn, nhà hàng	493.586	1,4%	997.746	1,6%	1.273.841	1,6%
Giáo dục, đào tạo	2.595	0,0%	31.255	0,1%	52.382	0,1%
Khác	1.416.419	4,1%	1.844.722	3,0%	2.433.400	3,0%
Tổng cộng	34.832.700	100,0%	62.357.978	100,0%	80.906.614	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/9/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Vị trí then chốt trong danh mục cho vay phân theo ngành nghề là cho vay sản xuất gia công chế biến, cá nhân và thương mại. Lý giải về sự tăng trưởng ổn định trong dư nợ của ba ngành này có thể kể đến các đóng góp từ chính sách lãi suất cho vay cạnh tranh của ACB, sự cải thiện trong chất lượng phục vụ khách hàng, chính sách tín dụng linh hoạt.

Phân loại theo khu vực

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thành phố Hồ Chí Minh	24.641.417	70,7%	40.488.203	64,9%	54.943.990	67,9%
Miền Bắc	5.723.037	16,4%	12.829.692	20,6%	15.636.747	19,3%
Miền Đông	1.821.448	5,2%	3.037.768	4,9%	3.774.505	4,7%
Miền Trung	1.371.017	3,9%	3.226.332	5,2%	3.821.595	4,7%
Đồng bằng Sông Cửu Long	1.275.781	3,7%	2.775.982	4,5%	2.729.777	3,4%
Tổng cộng	34.832.700	100,0%	62.357.978	100,0%	80.906.614	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/9/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Tình hình biến động trong dư nợ cho vay tại năm (05) khu vực địa lý vẫn đi đúng định hướng chiến lược kinh doanh và phản ánh đúng tiềm năng kinh tế, hoàn cảnh cạnh tranh ở từng địa bàn. Với vai trò là hạt nhân kinh tế của cả nước, khu vực TP. Hồ Chí Minh vẫn là địa phương hấp thu nguồn vốn tín dụng cao.

Phân loại theo thành phần kinh tế

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Công ty cổ phần và TNHH	12.674.836	36,4%	34.252.753	54,9%	39.989.308	49,4%
Doanh nghiệp Nhà nước	2.821.889	8,1%	4.378.113	7,0%	4.302.489	5,3%
Công ty 100% vốn nước ngoài	180.304	0,5%	195.295	0,3%	288.744	0,4%
Công ty liên doanh	387.159	1,1%	497.924	0,8%	399.090	0,5%
Hợp tác xã	5.164	0,0%	28.698	0,0%	15.225	0,0%
Cá nhân, nông dân và thành phần khác	18.763.348	53,9%	23.005.194	36,9%	35.911.758	44,4%
Tổng cộng	34.832.700	100,0%	62.357.978	100,0%	80.906.614	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/9/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3 đến nhóm 5) trên tổng dư nợ

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	30/9/2010
Số dư nợ xấu (Nhóm 3-5)	Triệu đồng	308.715	254.680	280.700
Tỷ lệ nợ xấu	%	0,89%	0,41%	0,35%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/9/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Tốc độ tăng trưởng tín dụng cao nhưng tính an toàn và hiệu quả của hoạt động tín dụng luôn được đảm bảo, cụ thể trong nhiều năm qua, tỷ lệ nợ xấu của ACB trên tổng dư nợ luôn dưới 1%. Năm 2009, ACB tiếp tục là ngân hàng duy nhất trong nhóm các NHTM cổ phần hàng đầu có tỷ lệ nợ xấu dưới 0,5%.



Tiền gửi tại các TCTD trong và ngoài nước

Tốc độ tăng tiền gửi của ACB tại các TCTD trong và ngoài nước năm 2009 đạt 52% nhưng đến 9 tháng đầu năm 2010 số dư giảm 48% so với đầu năm. Về cơ cấu, nhìn chung tiền gửi tại các TCTD trong nước chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn trong khi tiền gửi tại các TCTD nước ngoài đa phần là không kỳ hạn.

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi tại các TCTD trong nước						
Không kỳ hạn	288.324	1,2%	947.039	2,6%	986.910	5,2%
Có kỳ hạn	20.708.049	85,7%	867.637	81,4%	15.768.575	83,2%
Tiền gửi tại các TCTD nước ngoài						
Không kỳ hạn	2.760.360	11,4%	4.221.944	11,5%	1.924.192	10,1%
Có kỳ hạn	414.890	1,7%	1.658.875	4,5%	283.755	1,5%
Tổng cộng	24.171.623	100,0%	36.695.495	100,0%	18.963.432	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.


Đầu tư chứng khoán

Năm 2008, tổng giá trị chứng khoán mà ACB đang nắm giữ là 25.025 tỷ đồng, trong đó trái phiếu của Chính phủ chiếm 50,1%, và chứng khoán do các tổ chức tín dụng khác phát hành chiếm 33,7%. Đến năm 2009, tỷ trọng trái phiếu Chính phủ giảm nhẹ còn 41,3% trong khi chứng khoán do các tổ chức tín dụng phát hành tăng tỷ trọng lên 45,8% trong tổng số 33.021 tỷ đồng chứng khoán mà ACB nắm giữ.

Tính đến 30/9/2010, tổng giá trị đầu tư vào chứng khoán các loại là 56.385 tỷ đồng, trong đó trái phiếu của TCTD khác, chủ yếu của các NHTMNN tăng tỷ trọng lên xấp xỉ 70%, trái phiếu chính phủ chiếm tỷ trọng 20%. Phần còn lại là đầu tư vào trái phiếu của tổ chức kinh tế trong nước.

Đầu tư chứng khoán

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu ¹	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Trái phiếu chính phủ	12.532.303	50,1%	13.653.321	41,3%	11.252.732	20,0%
Tổ chức tín dụng khác	8.438.421	33,7%	15.108.030	45,8%	39.380.656	69,8%
Tổ chức kinh tế trong nước	4.053.882	16,2%	4.259.374	12,9%	5.751.870	10,2%
Tổng cộng	25.024.606	100,0%	33.020.726	100,0%	56.385.258	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

¹ Bao gồm chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư.

d. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán**Kinh doanh ngoại tệ**

Trong nghiệp vụ mua bán ngoại tệ phục vụ khách hàng thanh toán xuất nhập khẩu, ngoài khối lượng giao dịch chủ yếu bằng USD và các loại ngoại tệ mạnh khác như EUR, JPY, GBP, AUD, v.v., Phòng Kinh doanh ngoại hối của ACB còn cung cấp cho khách hàng một số ngoại tệ khác ít giao dịch trên thị trường thế giới như đồng Baht Thái Lan (THB), Krone Đan Mạch (DKK), Krone Thụy Điển (SEK), v.v. Doanh số mua bán ngoại tệ đạt 91,6 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2010.

Dịch vụ kinh doanh ngoại tệ*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh số kinh doanh ngoại tệ	349.739.419	85,1%	3.032.926.978	98,1%	1.690.311.830	96,5%
Hoạt động thanh toán	61.382.573		58.394.042		60.902.528	
- Doanh số thanh toán Quốc tế	58.638.558	14,3%	55.114.752	1,8%	57.439.688	3,3%
- Doanh số chuyển tiền nhanh Western Union	2.744.015	0,7%	3.279.290	0,1%	3.462.840	0,2%
Tổng cộng	411.121.992	100,0%	3.091.321.020	100,0%	1.751.214.358	100,0%
Lãi kinh doanh ngoại tệ	15.086		738.101		32.342	

*Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu***Hoạt động thanh toán****Hoạt động thanh toán trong nước**

Với mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch được bố trí hợp lý, cùng 471 tài khoản nostro, hoạt động thanh toán trong nước của ACB đã không ngừng tăng trưởng. Các thống kê về tình hình phân bổ chi nhánh, phòng giao dịch và tài khoản nostro của ACB theo từng khu vực địa lý cho đến cuối tháng 9/2010 như sau:

Hoạt động thanh toán trong nước đến 30/9/2010

Tỉnh/ thành	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch có tài khoản Nostro	Số lượng tài khoản nostro
TP. HCM	1	119
Hà Nội	3	114
Hải Phòng	2	40
Đà Nẵng	1	45
Huế	1	17

Tỉnh/ thành	Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch có tài khoản Nostro	Số lượng tài khoản nostro
Hội An	2	12
An Giang	1	11
Đắc Lak	1	17
Cần Thơ	1	33
Khác	29	63
Tổng cộng	42	471

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

Tính đến 30/9/2010, ngoài 233 tài khoản nostro duy trì ở hai khu vực kinh tế trọng điểm là TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội, số lượng từ 11 đến 63 tài khoản nostro mở tại mỗi tỉnh, thành còn lại đã giúp ACB đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán của khách hàng trong thời gian qua.

Thanh toán quốc tế

Là một dịch vụ truyền thống của Ngân hàng, đóng góp tỷ trọng đáng kể trong tổng thu dịch vụ của ACB. Trong những năm gần đây, ACB đã áp dụng một số chính sách ưu đãi đối với khách hàng doanh nghiệp về tín dụng, tài trợ xuất khẩu, mức ký quỹ thư tín dụng (L/C) nhập khẩu, chính sách bán ngoại tệ, v.v. Lượng ngoại tệ bán phục vụ nhu cầu nhập khẩu khá ổn định. Kết quả của hoạt động thanh toán quốc tế qua các năm như sau:

Thanh toán quốc tế

	Năm 2008	Năm 2009	30/9/2010
Doanh số Thanh toán quốc tế (triệu USD)	3.454	3.072	3.034
Phí dịch vụ Thanh toán quốc tế (tỷ VND)	87,4	292,4	106,7

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

Các dịch vụ thanh toán khác

Dịch vụ chuyển tiền nhanh Western Union: Từ năm 1994, ACB đã là đại lý của tổ chức chuyển tiền nhanh toàn cầu Western Union (WU). Đến thời điểm 30/9/2010 trên tổng số 932 điểm chi trả WU trên cả nước, ACB có 263 điểm chi trả (28%) nhưng chiếm đến 51% doanh số. Doanh số chuyển tiền qua WU tăng dần qua các năm: năm 2008 đạt 162 triệu USD, năm 2009 đạt 182,8 triệu USD và 9 tháng đầu năm 2010 đạt 182,9 triệu USD. Hoạt động WU của ACB đạt hiệu quả cao.

Dịch vụ thẻ: ACB là một trong các ngân hàng Việt Nam đi đầu trong việc giới thiệu các sản phẩm thẻ quốc tế tại Việt Nam. ACB chiếm thị phần cao về các loại thẻ tín dụng quốc tế như Visa và MasterCard. Trong năm 2003, ACB là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam đưa ra thị trường thẻ thanh toán và rút tiền toàn cầu Visa Electron. Năm 2004, ACB tiếp tục phát hành thẻ MasterCard Electronic. Trong năm 2005, ACB đã đưa ra sản phẩm thẻ MasterCard

Dynamic là loại thẻ thanh toán quốc tế kết hợp những tính năng của thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ. Ngoài ra, để đáp ứng các nhu cầu thanh toán nội địa, ACB đã phối hợp với các tổ chức như Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn, hệ thống siêu thị Co-opmart, Maximark, Citimart để phát hành các loại thẻ tín dụng đồng thương hiệu cho khách hàng nội địa. Hiện nay, ACB đã triển khai lắp đặt 363 máy ATM để cung cấp các tiện ích giao dịch cho khách hàng. Thẻ ACB đã góp phần tạo nên thương hiệu ACB trên thị trường và tạo nguồn thu dịch vụ đáng kể.

Số liệu về thẻ qua các năm

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008	Năm 2009	30/9/2010
Số lượng thẻ phát hành mới	Thẻ	89.053	110.393	134.359
- Thẻ quốc tế	Thẻ	56.192	62.696	77.753
- Thẻ nội địa	Thẻ	32.861	47.697	56.606
Số lượng đại lý mới	Đại lý	525	570	355
Doanh số giao dịch chủ thẻ	Tỷ đồng	5.154	7.088	7.201
Doanh số giao dịch đại lý	Tỷ đồng	1.081	869	644

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

Dịch vụ ngân hàng điện tử: Nhằm mục đích giới thiệu cho khách hàng Việt Nam các sản phẩm của một ngân hàng hiện đại, dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến, trong năm 2003, ACB đã chính thức cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử bao gồm: Internet banking, Home banking, Phone banking và Mobile banking, mang đến cho khách hàng nhiều tiện ích. ACB là ngân hàng đi đầu trong việc ứng dụng chứng chỉ số trong giao dịch ngân hàng điện tử nhằm mã hóa bảo mật chữ ký điện tử của khách hàng, tăng độ an toàn khi sử dụng dịch vụ Home banking. Từ năm 2004, ACB cũng đã đưa vào hoạt động Tổng đài 247, cung cấp thêm các tiện ích cho khách hàng thông qua kênh điện thoại. Tổng đài này được phát triển thành Call Center vào tháng 4/2005.

Gần đây nhất, ACB tung ra dịch vụ ACB Online là dịch vụ ngân hàng điện tử (hay ngân hàng trực tuyến) cho phép khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp có tài khoản tiền gửi thanh toán VND tại ACB thực hiện một số giao dịch với ACB mọi lúc mọi nơi thông qua Internet như:

- Tra cứu thông tin giao dịch trên tài khoản
- Tra cứu thông tin tỷ giá, lãi suất, biểu phí
- Tra cứu thông tin chứng khoán.
- Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống ACB.
- Chuyển tiền trong nước cho người nhận bằng CMND/ Passport
- Thanh toán hoá đơn.
- Dịch vụ hỗ trợ Mobile Banking.
- Tạo tài khoản tiền gửi đầu tư trực tuyến

- Mở, cập nhật chỉ thị tái tục, tắt toán tài khoản tiền gửi có kỳ hạn VND.
- Vay tiền trực tuyến thế chấp bằng sổ dư tài khoản tiền gửi có kỳ hạn.
- Đăng ký làm thẻ; Gia hạn; Báo mất; Hủy thẻ; Thay đổi thông tin...
- Nạp tiền vào thẻ; Tra cứu thông tin sử dụng thẻ.
- Bán ngoại tệ trực tuyến.

Trong cơ cấu thu dịch vụ của ngân hàng, thu về dịch vụ bảo lãnh và thanh toán (chuyển tiền, thanh toán quốc tế, WU, thẻ tín dụng) chiếm khoảng gần 70%. Phần còn lại là các dịch vụ khác bao gồm trung gian thanh toán nhà đất, các dịch vụ về ngân quỹ.

e. Hoạt động ngân hàng đại lý

Quan hệ ngân hàng đại lý nhằm mục đích hỗ trợ và phát triển các hoạt động thanh toán quốc tế, chuyển tiền, mua bán và kinh doanh ngoại tệ, vàng, v.v. Số ngân hàng đại lý không ngừng tăng lên qua các năm. Đến 30/9/2010, số lượng ngân hàng đại lý của ACB trên thế giới là 1.050 ngân hàng và tập đoàn tài chính (chưa bao gồm số lượng lớn các chi nhánh trải rộng trên toàn cầu).

4. 6. 2/ Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản lý rủi ro và từ đó tận dụng cơ hội kinh doanh, bảo toàn vốn cho cổ đông là một trong các vấn đề được ACB đặc biệt quan tâm. Các loại rủi ro trong hoạt động ngân hàng được chia thành các loại chính: rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối), rủi ro vận hành.

Để quản lý các loại rủi ro nói trên, tổ chức quản lý rủi ro của ACB được bố trí từ Hội sở đến các chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống. HĐQT là cơ quan quản lý rủi ro tín dụng. Hội đồng ALCO quản lý các loại rủi ro khác. Phòng Quản lý rủi ro ở Hội sở có chức năng tổng hợp, phân tích tình hình hoạt động hàng ngày của ACB để hỗ trợ Ban điều hành và Hội đồng ALCO trong việc quản lý rủi ro. Ban kiểm tra kiểm soát nội bộ có chức năng giám sát sự tuân thủ các quy định pháp luật cũng góp phần nâng cao chất lượng quản lý rủi ro tại ACB. Với hệ thống tổ chức quản lý rủi ro đã được xây dựng hoàn chỉnh, với các chính sách quản lý rủi ro ngày càng hoàn thiện, việc bảo toàn vốn của cổ đông trong nhiều năm qua đã được đảm bảo, đồng thời tỷ suất lợi nhuận luôn tăng trưởng ổn định và duy trì ở mức cao.

4. 6. 3/ Thị trường hoạt động

a. Mạng lưới chi nhánh

Thống kê mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch

Chỉ tiêu	Số lượng sở giao dịch		Số lượng Chi nhánh		Số lượng Phòng giao dịch	
	2009	30/9/2010	2009	30/9/2010	2009	30/9/2010
Tp. HCM	1	1	29	29	87	102
Khu vực phía Bắc: Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Ninh	0	0	13	16	48	52
Khu vực miền Trung: Đà Nẵng, Daklak, Khánh Hòa, Hội An, Huế, Bình Định	0	0	9	11	14	17
Khu vực miền Tây: Long An, Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.	0	0	8	8	6	8
Khu vực miền Đông: Đồng Nai, Bình Dương, Bà Rịa- Vũng Tàu	0	0	5	5	17	17
Tổng cộng	1	1	64	69	172	196

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Mạng lưới khách hàng

- Cá nhân: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế trọng điểm;
- Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có lịch sử hoạt động hiệu quả thuộc những ngành kinh tế không quá nhạy cảm với các biến động kinh tế - xã hội;
- Các định chế tài chính trong và ngoài nước.

Các loại dịch vụ cho khách hàng

STT	Dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân	Dịch vụ dành cho khách hàng doanh nghiệp	Dịch vụ ngân quỹ
1	Tiền gửi thanh toán	Dịch vụ tài khoản	Mua bán ngoại hối (giao ngay, kỳ hạn và quyền chọn)
2	Tiền gửi tiết kiệm	Thanh toán quốc tế	Mua bán vàng (giao ngay, kỳ hạn và quyền chọn)
3	Thẻ thanh toán	Bảo lãnh	Hoán đổi lãi suất

4	Dịch vụ chuyển tiền	Bao thanh toán	Tư vấn về diễn biến thị trường và các công cụ tài chính phái sinh
5	Cho vay có tài sản đảm bảo	Cho vay	
6	Cho vay tín chấp	Dịch vụ khác	
7	Các dịch vụ khác		

c. Thị phần và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng ACB

Thị phần tổng tài sản của riêng Ngân hàng ACB so với tổng phương tiện thanh toán của Ngành ngân hàng đến 30/9/2010 khoảng 7,2%. Bên cạnh đó, thị phần tín dụng của ACB khoảng 3,87%, tăng 0,33% so với đầu năm và khoảng 0,14% so với cùng kỳ năm trước; và ACB tiếp tục nắm giữ thị phần tín dụng cao hơn so với các ngân hàng đồng đẳng. Về huy động tiền gửi khách hàng, thị phần của ACB đến thời điểm 30/09/2010 là 6,5%.

4. 6. 4/ Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

a. Trung tâm ATM

Đến 30/09/2010, ACB đã lắp đặt 363 máy ATM. Theo kế hoạch đến năm 2010, ACB sẽ có ít nhất 400 máy ATM được lắp đặt trên toàn quốc. Việc triển khai phát hành và thanh toán bằng thẻ ATM sẽ góp phần phổ cập phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt. Với những tính năng ưu việt, thẻ thanh toán sẽ dần điều chỉnh thói quen sử dụng tiền mặt trong cộng đồng dân cư.

b. Mở thêm công ty trực thuộc

Tháng 4 năm 2009, HĐQT Ngân hàng Á Châu đã đồng ý chủ trương thành lập công ty trực thuộc là Công ty TNHH một thành viên Tài chính Ngân hàng Á Châu trên cơ sở xem xét các yếu tố sau:

- Thị trường tài chính đối với phân đoạn khách hàng thu nhập thấp, trung bình là thị trường có rất nhiều tiềm năng vì khối lượng khách hàng được đánh giá là khá lớn.
- Đây là hoạt động rủi ro cao nhưng nếu quản lý tốt thì hiệu quả kinh doanh cũng sẽ cao.
- Với tư cách là ngân hàng bán lẻ, ACB có kinh nghiệm nhất định đối với việc triển khai các sản phẩm phục vụ cho phân đoạn đối tượng này trong thời gian vừa qua.
- Cần phải có công ty quản lý riêng để chuyên môn hóa và tránh phân tán nguồn lực của ACB đối với hoạt động kinh doanh có rủi ro đặc thù này.

Ngoài ra, tháng 4 năm 2009, HĐQT Ngân hàng Á Châu cũng đã đồng ý chủ trương thành lập công ty trực thuộc là Công ty TNHH một thành viên Kinh doanh vàng Ngân hàng Á Châu nhằm đảm bảo tính độc lập trong hoạt động kinh doanh vàng mang thương hiệu ACB.

c. Mở rộng mạng lưới hoạt động

Theo kế hoạch đến cuối năm 2010, ACB sẽ có 285 chi nhánh và phòng giao dịch tại 36 tỉnh, thành phố trên toàn quốc. Và trong năm 2011, ACB dự kiến sẽ tiếp tục mở thêm 95 đơn vị nâng tổng số lượng chi nhánh/phòng giao dịch lên 380.

4. 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2008 – 30/09/2010
4. 7. 1/ Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng năm 2008, 2009 và 9 tháng năm 2010
a. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	% tăng/giảm	9 tháng năm 2010
Tổng giá trị tài sản	105.306.130	167.881.047	59,42%	177.944.014
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	10.497.846	9.613.889	(8,42)%	10.277.703
Thu nhập lãi thuần	2.728.257	2.800.528	2,65%	2.866.275
Thuế và các khoản phải nộp	349.898	636.960	82,04%	512.798
Lợi nhuận trước thuế	2.560.580	2.838.164	10,84%	2.000.684
Lợi nhuận sau thuế	2.210.682	2.201.204	(0,43)%	1.487.886

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 9 tháng năm 2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

b. Các chỉ tiêu khác
Thu nhập

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập từ lãi	2.728.257	64,4%	2.800.528	56,7%	2.866.275	77,5%
Thu nhập ngoài lãi	1.511.219	35,7%	2.134.542	43,3%	831.186	22,5%
Tổng cộng	4.239.476	100,00%	4.935.070	100,0%	3.697.461	100,00%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 9 tháng năm 2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Chi phí

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lương và chi phí liên quan	691.319	43,5%	851.468	47,1%	678.970	44,8%
Chi phí khấu hao	128.849	8,1%	168.349	9,3%	145.345	9,6%
Chi phí hoạt động khác	770.735	48,4%	789.644	43,6%	689.662	45,6%
Tổng cộng	1.590.903	100,0%	1.809.461	100,0%	1.513.977	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 9 tháng năm 2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Khấu hao TSCĐ

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Trụ sở làm việc	15.149	11,8%	17.817	10,6%	16.642	11,5%
Thiết bị văn phòng	79.774	61,9%	104.457	62,0%	88.683	61,0%
Phương tiện vận chuyển	13.646	10,6%	17.761	10,6%	17.121	11,8%
Tài sản cố định hữu hình khác	6.750	5,2%	11.523	6,8%	10.357	7,1%
Tài sản cố định vô hình	13.532	10,5%	16.791	10,0%	12.541	8,6%
Tổng cộng	128.851	100,0%	168.349	100,0%	145.345	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 9 tháng năm 2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Hoạt động đầu tư

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu ²	Năm 2008		Năm 2009		9 tháng năm 2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Đầu tư chứng khoán	25.024.606	95,0%	33.020.726	96,4%	56.385.258	95,8%
Góp vốn đầu tư	1.313.309	5,0%	1.218.348	3,6%	2.475.052	4,2%
Tổng cộng	26.337.915	100,0%	34.239.074	100,0%	58.860.310	100,0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 9 tháng năm 2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

Các chỉ tiêu khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	9 tháng năm 2010
Thu nhập ròng từ lãi/TTS bình quân	2,9%	2,1%	1,7%
Thu nhập ngoài lãi/TTS bình quân	1,6%	1,6%	0,5%
Chi phí hoạt động/TTS bình quân	1,7%	1,3%	0,9%
Lợi nhuận sau thuế/ TTS bình quân (ROA)	2,3%	1,6%	0,9%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH bình quân (ROE)	31,5%	24,6%	14,5%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 9 tháng năm 2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

²Số liệu trước khi trừ dự phòng tương ứng.

4. 7. 2/ Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo.

Thuận lợi

- Dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cả năm 2010 dự kiến đạt 6,7%³; vượt mục tiêu kế hoạch (6,5%), thuộc vào nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao của thế giới. Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng thấp, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định.
- Chỉ số giá tiêu dùng sẽ tăng ở mức vừa phải, cả năm có thể kiểm soát dưới một con số.
- Để tiếp tục hỗ trợ các NHTM giảm mặt bằng lãi suất, từ nay đến cuối năm 2010, NHNN sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động của thị trường mở, bổ sung thêm kỳ hạn giao dịch, giảm nhẹ lãi suất giao dịch thị trường mở; lãi suất tái cấp vốn, tái chiết khấu tiếp tục ổn định ở mức thấp; mở rộng nghiệp vụ swap ngoại tệ... Đồng thời, NHNN cũng sẽ xem xét giảm lãi suất trái phiếu Chính phủ để các ngân hàng tập trung vốn cho vay doanh nghiệp..

Khó khăn

- Sức ép cạnh tranh gay gắt từ sự xuất hiện các doanh nghiệp nước ngoài theo lộ trình gia nhập WTO của Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh ngân hàng nói chung và ACB nói riêng vẫn đang bị chi phối từ những bất ổn kinh tế (như lạm phát, biến động giá vàng, ngoại hối...), bị tác động bởi chính sách thắt chặt tiền tệ của Nhà nước và bị đe dọa từ nguy cơ hiệu ứng domino của cuộc khủng hoảng nợ Châu Âu.
- Tỷ giá USD/VNĐ vẫn chịu áp lực tăng, do chênh lệch về lạm phát của Mỹ và Việt Nam khá cao (1,24% so với 8,19% vào thời điểm cuối tháng 7/2010), nhu cầu tiêu dùng toàn cầu giảm cản trở xuất khẩu và các nguồn thu USD ròng từ cán cân vốn đang chậm lại so với các năm trước, thâm hụt cán cân tổng thể tăng. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, để giải quyết vấn đề cung-cầu ngoại tệ, việc buộc các doanh nghiệp xuất khẩu bán ngoại tệ cho ngân hàng sẽ được ưu tiên sử dụng hơn so với biện pháp điều chỉnh tỷ giá, nhằm tránh vòng tròn kỳ vọng - điều chỉnh - kỳ vọng ...
- NHNN rất kiên quyết trong việc đặt quản lý rủi ro trở thành vấn đề bắt buộc của các ngân hàng, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh khi NHNN tháo bỏ các rào cản đối với các NH nước ngoài và hội nhập trong lĩnh vực ngân hàng. Điều này đã được ghi vào Luật NHNN và Luật Các TCTD sẽ được thực hiện vào năm 2011. Việc NHNN kiên quyết nâng những hệ số an toàn hoạt động tối thiểu lên cao hơn có thể dẫn đến sự sụt giảm lợi nhuận trước mắt của các ngân hàng. Nghị định 141/2006/NĐ-CP sẽ phải thực hiện nghiêm, theo đó, mức vốn điều lệ của các ngân hàng phải đạt ít nhất 3.000 tỷ đồng trước 31/12/2010.

³ Dự báo của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) và Chính phủ Việt Nam

4. 8. Vị thế của Ngân hàng so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

4. 8. 1/ Vị thế của Công ty trong ngành

Vị thế của ACB so với 4 NHTMNN (Vietinbank, Vietcombank, BIDV, Agribank)

Đến cuối năm 2009, bốn NHTM lớn nhất ước tính chiếm khoảng 51% vốn huy động từ tiền gửi của dân cư và tổ chức kinh tế và 50% dư nợ cho vay của toàn ngành ngân hàng. So với quy mô của cả bốn ngân hàng này tại thời điểm cuối năm 2009, tổng tài sản của ACB bằng khoảng 13% (tăng 3% so với cuối năm 2008), huy động tiền gửi dân cư và tổ chức kinh tế khoảng 12,5% (+3%), dư nợ cho vay khoảng 7% (+2%) và lợi nhuận trước thuế đạt khoảng 23%.

Vị thế của ACB so với các NHTMCP

Trong khối NHTMCP, ACB là ngân hàng dẫn đầu về tổng tài sản, vốn huy động, cho vay và lợi nhuận. Sau đây là bảng so sánh một số chỉ tiêu của ACB với một vài NHTMCP lớn vào cuối năm 2009:

So sánh một số chỉ tiêu

Chỉ tiêu	ACB	Sacombank	Eximbank	Đông Á	Kỹ Thương	Quân Đội
Tổng tài sản	167.881	104.019	65.448	42.520	92.582	69.008
Huy động tiền gửi khách hàng	108.992	76.701	46.989	31.352	63.034	40.257
Dư nợ cho vay	62.358	59.657	38.382	34.356	42.093	29.588
Lợi nhuận trước thuế	2.838	2.175	1.533	788	2.253	1.505

Nguồn: Công khai báo cáo tài chính của các ngân hàng trên báo chí.

Với tốc độ tăng trưởng cao về huy động vốn, dư nợ cho vay liên tục nhiều năm, ACB luôn tạo khoảng cách xa dần với các đối thủ cạnh tranh chính trong hệ thống NHTMCP.

4. 8. 2/ Triển vọng phát triển của ngành

Ngành ngân hàng của một quốc gia đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của quốc gia đó, vai trò đó thể hiện qua chức năng dẫn dắt nền kinh tế của quốc gia, và ngược lại sự thịnh vượng hoặc suy tàn nền kinh tế cũng là một động lực cho ngành ngân hàng. Theo đánh giá của các chuyên gia kinh tế, năm 2010 nền kinh tế đang trên đà hồi phục, những tín hiệu lạc quan từ nền kinh tế sẽ thúc đẩy mạnh mẽ sự tăng trưởng ngành ngân hàng. Đặc biệt là Việt Nam được tổ chức Grant Thornton International đánh giá là nơi đầu tư kỳ vọng mang lại lợi nhuận cao nhất thế giới nhờ các động thái từ chính phủ trong năm 2009.

Để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của nền kinh tế, Ngân hàng nhà nước tiếp tục triển khai các chương trình hành động cụ thể theo như đề án phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 của NHNN, gồm các nội dung cơ bản:

- Hình thành đồng bộ khung pháp lý minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy cạnh

tranh và bảo đảm an toàn hệ thống, áp dụng đầy đủ hơn các thiết chế và chuẩn mực quốc tế về an toàn đối với hoạt động tiền tệ, ngân hàng. Xóa bỏ phân biệt đối xử giữa các loại hình TCTD và loại bỏ các hình thức bảo hộ, bao cấp trong lĩnh vực ngân hàng.

- Đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế về tài chính ngân hàng theo lộ trình và bước đi phù hợp với năng lực cạnh tranh của các TCTD và khả năng của NHNN về kiểm soát hệ thống.
- Cải cách căn bản, triệt để nhằm phát triển hệ thống các TCTD Việt Nam theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng, đa dạng về sở hữu và loại hình TCTD, có qui mô hoạt động và tiềm lực tài chính mạnh, tạo nền tảng xây dựng hệ thống các TCTD hiện đại đạt trình độ phát triển tiên tiến trong khu vực Châu Á, áp dụng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và thế giới.
- Tăng cường năng lực tài chính của các TCTD theo hướng tăng vốn tự có và nâng cao chất lượng tài sản và khả năng sinh lời. Từng bước cổ phần hóa các NHTMNN theo nguyên tắc thận trọng, bảo đảm ổn định kinh tế - xã hội và an toàn hệ thống, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các ngân hàng hàng đầu thế giới mua cổ phần và tham gia quản trị, điều hành các NHTM Việt Nam.

4. 8. 3/ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của ACB với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Với định hướng tiếp tục giữ vị thế dẫn đầu trong hệ thống NHTMCP tại Việt Nam, rút ngắn khoảng cách về quy mô với các NHTMNN, ACB đã xây dựng kế hoạch phát triển với các chỉ số tăng trưởng cao về tổng tài sản, huy động vốn, dư nợ tín dụng... gấp đôi so với tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành. Bên cạnh yếu tố tăng trưởng, ACB cũng rất chú trọng vấn đề ổn định, an toàn và hiệu quả trong hoạt động. Ngân hàng đang hướng dẫn công tác quản trị và điều hành theo các chuẩn mực quốc tế. Chiến lược kinh doanh của Ngân hàng hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành ngân hàng, sẵn sàng cho thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

4. 9. Chính sách đối với người lao động

4.9.1/ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của ACB tính đến 30/09/2010 là 7.140 người, với cơ cấu như sau:

Yếu tố	Số lượng	Tỷ trọng
Phân theo trình độ lao động		
■ Sau đại học	115	1,6%
■ Đại học	6.161	86,3%

Yếu tố	Số lượng	Tỷ trọng
■ Cao đẳng, Trung cấp	792	11,1%
■ Lao động phổ thông	72	1,0%
Phân theo đối tượng lao động		
■ Cán bộ quản lý	369	5,2%
■ Nhân viên	6.771	94,8%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

Mức lương bình quân của người lao động trong các năm 2007 – 2009 như sau:

Mức lương	2007	2008	2009
Mức lương trung bình (đồng/tháng)	8.456.000	8.668.000	9.900.000

4.9.2/ **Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp**

Chính sách khen thưởng

Chế độ khen thưởng cho nhân viên của ACB gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ. ACB có các chế độ cơ bản như sau:

- Mỗi năm, nhân viên được hưởng tối thiểu 13 tháng lương;
- Ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;
- Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Ngân hàng.

Hàng năm, ACB thực hiện chế độ nghỉ mát, đồng phục cho nhân viên. Ngoài ra, ACB có những chính sách đãi ngộ nhân viên như xây căn hộ chung cư bán trả góp, tổ chức khám bệnh định kỳ và thành lập câu lạc bộ sức khỏe.

Chế độ phúc lợi

Tất cả nhân viên chính thức của ACB đều được hưởng các trợ cấp xã hội phù hợp với Luật Lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên ACB còn nhận được phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro tiền mặt, phụ cấp chuyên môn, v.v.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Đào tạo và phát triển nhân viên là một trong các công tác ưu tiên của ACB. Chính sách đào tạo của ACB có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên thành thạo về nghiệp vụ, có đạo đức trong kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng.

Nhân viên trong hệ thống ACB có cơ hội tham dự các lớp huấn luyện đào tạo nghiệp vụ theo nhu cầu công việc bên trong và bên ngoài Ngân hàng, được tài trợ chi phí. Ngoài ra, với sự hỗ trợ của các cổ đông nước ngoài, ACB có chế độ cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo và thực tập tại nước ngoài.

4. 10. Chính sách phân phối lợi nhuận

HDQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Ngân hàng thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Ngân hàng cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức hợp lý.

Tỷ lệ chia cổ tức của Ngân hàng qua các năm:

Năm	Cổ tức bằng tiền mặt (% trên mệnh giá)
2008	33,8%
2009	24%
2010 (dự kiến) ⁴	20,4%

4. 11. Tình hình hoạt động tài chính

- Các chỉ tiêu cơ bản**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	6.355.813	7.814.138	7.814.138
Tổng tài sản có	105.306.130	167.881.047	177.944.014
Tỷ lệ an toàn vốn	12.44%	9.74%	10,01%
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Số dư tổng huy động	91.173.530	134.502.210	164.284.099
Dư nợ cho vay (khách hàng và TCTD)	34.832.700	62.361.978	80.906.714
Nợ xấu (nhóm 3-5)	308.715	254.680	280.700
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/tổng số dư bảo lãnh	0,001%	0,0001%	-
Tỷ lệ nợ xấu (nhóm 3-5)/Tổng dư nợ (%)	0,89%	0,41%	0,35%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ khả năng chi trả ngày hôm sau (lần)	20,07	11,87	4.147

⁴ Tương ứng với mức lợi nhuận riêng của ngân hàng ACB khoảng 3.000 tỷ đồng.

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/09/2010
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	0%	0%	0%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008 và 2009 của Ngân hàng TMCP Á Châu. Riêng số liệu 30/09/2010 là số liệu hợp nhất chưa kiểm toán.

4. 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

4. 12. 1/ Danh sách

• Danh sách Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/ Passport
Ông Trần Xuân Giá	Chủ tịch	1939	010197443
Ông Phạm Trung Cang	Phó Chủ tịch	1954	020034584
Ông Trịnh Kim Quang	Phó Chủ tịch	1954	020657865
Ông Lê Vũ Kỳ	Phó Chủ tịch	1956	011850742
Ông Lý Xuân Hải	Thành viên	1965	023947229
Ông Huỳnh Quang Tuấn	Thành viên	1958	011511303
Ông Lương Văn Tự	Thành viên	1947	010043233
Ông Julian Fong Loong Choon	Thành viên	1951	BA136390
Ông Alain Cany	Thành viên	1949	04FE15025
Ông Dominic Scriven	Thành viên	1963	761700461
Ông Trần Hùng Huy	Thành viên	1978	022998625

• Danh sách Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Huỳnh Nghĩa Hiệp	Trưởng Ban	1953	021563781
Bà Hoàng Ngân	Thành viên	1954	021577633
Ông Triệu Cao Phong	Thành viên	1953	020501250
Bà Phùng Thị Tốt	Thành viên	1950	020708571

• Danh sách Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Lý Xuân Hải	Tổng Giám đốc	1965	023947229
Ông Nguyễn Thanh Toại	Phó Tổng Giám đốc	1953	020550522
Ông Huỳnh Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1958	011511303

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Đàm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1951	022072892
Ông Đỗ Minh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	1971	024302839
Ông Bùi Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc	1973	022498773
Ông Trần Hùng Huy	Phó Tổng Giám đốc	1978	022998625
Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Tổng Giám đốc	1967	022332181

• **Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
Ông Nguyễn Văn Hòa	Kế toán trưởng	1969	023458434

4. 12. 2/ Sơ yếu lý lịch

• **Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị**

Ông TRẦN XUÂN GIÁ

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập

Giới tính	Nam	Quê quán	Vinh Hưng, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế
Ngày tháng năm sinh	1939	Địa chỉ thường trú	P. 105 nhà N3 ngõ 36 Vạn Bảo, Q. Ba Đình, Hà Nội.
Nơi sinh	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Số điện thoại cơ quan	(84.4) 3944 7796
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	- Tiến sĩ kinh tế - 1975, Đại học kinh tế quốc dân Plekhanob (Moscow). - Cử nhân kinh tế - 1966, Đại học kinh tế quốc dân Plekhanob (Moscow).

Quá trình công tác:

- 1966: Giảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- 1977: Chủ nhiệm khoa Vật giá, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.
- 1981: Phó chủ nhiệm (Thứ trưởng) Ủy ban Vật giá Nhà nước.
- 1989: Chủ nhiệm Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng.
- 1992: Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.
- 1995: Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- 1996: Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Ông TRẦN XUÂN GIÁ

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập

- 1997 – 2002: Đại biểu Quốc hội khóa X.
- 2003: Trưởng ban Ban Nghiên cứu Thủ tướng chính phủ về đổi mới chính sách kinh tế, xã hội và hành chính.
- 11/2006 – 5/2008: Cố vấn HĐQT Ngân hàng Á Châu (sau khi có quyết định nghỉ hưu từ 01/10/1006).
- 2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ đến nay	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến nay	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông PHẠM TRUNG CANG

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam	Quê quán	Long An
Ngày tháng năm sinh	1954	Địa chỉ thường trú	16/41/65 Nguyễn Thiện Thuật, P. 2, Q. 3, TP. HCM.
Nơi sinh	Long An	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế - Ngành Thương mại

Quá trình công tác:

- 1978 - 1992: Giám đốc Công ty TNHH Nhựa Đại Hưng
- 1993 - 1994: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu.
- 1994 - 1998: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu.
- 1999 - 2001: Phó Chủ tịch HĐQT-Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 2002 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tân Đại Hưng.
- 2006 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Du lịch Chợ Lớn

Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu
------------------	------------------------------------

Ông PHẠM TRUNG CANG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác

- Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank);
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng;
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Chợ Lớn.

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010

1.534.909 cổ phiếu.

Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010

- Đỗ Thị Quế Thanh (vợ): **1.927.749** cổ phiếu
- Phạm Đỗ Quế Hương (con): **446.295** cổ phiếu
- Phạm Đỗ Can Trường (con): **2.075.727** cổ phiếu
- Phạm Đỗ Diễm Hương (con): **3.519.038** cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Thù lao

-

Các khoản lợi ích khác

Không

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

Không

Ông TRỊNH KIM QUANG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính

Nam

Quê quán

Sóc Trăng

Ngày tháng năm sinh

1954

Địa chỉ thường trú

16/87/27 Nguyễn Thiện Thuật, P. 2, Q. 3, TP. HCM

Nơi sinh

Sóc Trăng

Số điện thoại cơ quan

(84.8) 3929 0999

Quốc tịch

Việt Nam

Trình độ văn hóa

Đại học

Dân tộc

Kinh

Trình độ chuyên môn

Đại học Kinh tế - Ngành Thương nghiệp

Quá trình công tác:

- 1978 - 1988 : Giảng viên Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- 1989 - 1991 : Cán bộ Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn SJC
- 1991 - 1993 : Giám đốc Công ty CP Việt Thương
- 1993 - 1998 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 1998 - 2007 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty chứng khoán ACB (ACBS).
- 2008 - 2009 : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ ACB (ACBC).

Ông TRỊNH KIM QUANG

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 1998 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Á Châu
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sài Gòn Kim Hoàn ACB-SJC.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	558.407 cổ phiếu.
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Nguyễn Thị Thanh Ngọc (vợ): 720.344 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông LÊ VŨ KỲ

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	1956	Địa chỉ thường trú	37 Hàng Bún, Ba Đình, Hà Nội
Nơi sinh	Hà Nội	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Tiến sỹ Toán Lý (Đại học Tổng hợp Matxcova - Liên xô cũ)

Quá trình công tác:

- 1984 - 1986 : Cán bộ nhà máy Z181 (Bộ Quốc Phòng).
- 1987 - 1988 : Cán bộ Viện Năng lượng Nguyên tử Quốc gia.
- 1989 - 1992 : Quyền Tổng Giám đốc Công ty Phát triển Đầu tư Công nghệ FPT.
- 1992 - 1993 : Cán bộ Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam.
- 1993 - 1996 : Quyền Tổng Giám đốc xí nghiệp liên doanh Việt Nga thuộc Tổng Công ty Dệt – May Việt Nam.
- 1996 - 1997 : Quyền Tổng Giám đốc Công ty CP SX/ XNK Thiên Nam.
- 1997 - 2008 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 2008 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.

Ông LÊ VŨ KỲ

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ hiện nay	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS); - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Sài Gòn Phú Quốc.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	1.086.669 cổ phiếu.
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	- Lê Nguyệt Ánh nắm giữ (con): 2.070.079 cổ phiếu. - Lê Duy Khương nắm giữ (con): 520.215 cổ phiếu.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông HUỖNH QUANG TUẤN

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	1958	Địa chỉ thường trú	Nhà B10, Nam Thành Công, Q. Đống Đa, Hà Nội.
Nơi sinh	Hà Nội	Số điện thoại cơ quan	(84.4) 3943 8728
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế Quốc dân Kiev, Ukraina. Đại học Tài chính Leningrad

Quá trình công tác:

- 1980 – 3/1983: Phục vụ tại ngũ trong quân đội NDVN, đơn vị X56, thuộc Bộ Tham mưu, Bộ Tư lệnh Hải quân.
- 1983 - 1985: Nhân viên Ủy ban Vật giá Nhà nước.
- 1985 - 1988: Phó phòng Phòng Giá Ngoại thương Ủy ban Vật giá Nhà nước.
- 1988 - 1989: Trưởng ban lý luận Viện Khoa học Giá cả - Ủy ban Vật giá Nhà nước.
- 1989 - 1994: Giám đốc Chi nhánh kiêm Trưởng đại diện Công ty liên doanh Genpacific tại Matxcova (Liên Xô cũ).
- 1994: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 1997 – 01/2008: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội.

Ông HUỖNH QUANG TUẤN
Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

- 02/2008 - nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu
- 3/2008 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chuyển mạch Tài chính Quốc gia BanknetVN; - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy Tạ; - Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thương mại Hải Phòng Plaza.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	375.790 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	- Vũ Thị Bích Ngọc (vợ): 204.890 cổ phiếu - Huỳnh Công Đức (con): 101.410 cổ phiếu - Huỳnh Thị Quỳnh Nga (em): 101.801 cổ phiếu - Huỳnh Thị Thu Hằng (em): 22.863 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông LƯƠNG VĂN TỰ
Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập

Giới tính	Nam	Quê quán	Ninh Bình
Ngày tháng năm sinh	1947	Địa chỉ thường trú	A5 Hoàng Cầu, tổ 71, Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội
Nơi sinh	Ninh Bình	Số điện thoại cơ quan	(84.4) 3944 7410
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Ngoại thương. Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và vận tải Na Uy

Quá trình công tác:

- 1971 – 1983 : Công tác tại Tổng công ty vận tải Ngoại thương. Chức vụ cao nhất trưởng phòng.
- 1986 : Phó Tổng giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I, Hà Nội.
- 1987 : Trưởng đoàn đại diện Việt Nam tại Singapore.
- 1993 : Tổng giám đốc Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I, Hà Nội.

Ông LƯƠNG VĂN TỰ
Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập

- 1994 : Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Eximbank.
- 1998 : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty liên doanh Đệ nhất, 53 Quang Trung.
- 2000 : Trưởng đoàn đàm phán kinh tế thương mại của Chính phủ kiêm Trưởng đoàn đàm phán Việt Nam gia nhập WTO, kiêm Tổng Thư ký UBQG về hợp tác kinh tế quốc tế, kiêm chủ tịch Ủy ban hợp tác kinh tế thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ.
- 1998 - 2007 : Thứ trưởng Bộ Thương mại
- 2009 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý ACB (ACBC).
- 3/2008 - nay : Thành viên HĐQT Ngân hàng Á Châu

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Chủ tịch Hiệp hội Cà phê Cacao Việt Nam. ▪ Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý ACB (ACBC).
Số cổ phiếu nắm giữ đến nay	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến nay	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông JULIAN FONG LOONG CHOON
Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam	Quê quán	Malaysia
Ngày tháng năm sinh	1951	Địa chỉ thường trú	62 Tanah Merah Kechil Avenue #10-21, Casa Merah, Singapore 465530
Nơi sinh	Kuala Lumpur, Malaysia	Số điện thoại cơ quan	(852) 2820 3086
Quốc tịch	Canada	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Malaysia	Trình độ chuyên môn	- Cử nhân (danh dự) hóa học Trường Đại học Loughborough, Anh Quốc - BSc (1st Class Hons), Chemical Engineering, University of Loughborough, United Kingdom.

Ông JULIAN FONG LOONG CHOON

Thành viên Hội đồng quản trị

- Thạc sĩ QTKD (Tài chính - Kế toán) - MBA (Finance & Accounting) McGill University, Quebec, Canada

Quá trình công tác:

- 1991 - 1992 : Giám đốc, Standard Chartered Bank, Hong Kong.
- 1992 - 1993 : Giám đốc Tài chính, Standard Chartered Bank, Hong Kong.
- 1993 - 1995 : Giám đốc Tài chính Khu vực, Standard Chartered Bank, Singapore.
- 1995 - 1998 : Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp Standard Chartered Bank, Singapore.
- 1998 - 2000 : Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp Standard Chartered Bank, Singapore.
- 2000 - 2004 : Giám đốc Tài chính, Standard Chartered Bank, Hong Kong.
- 2004 - 2007 : Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính, HK, TQ và Bắc Đông Á, SCB (HK).
- 2008 - 2010 : Giám đốc điều hành, Giám đốc tài chính Châu Á, SCB (HK)

Chức vụ hiện nay

Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác

Không giữ chức vụ nào của bất kỳ tổ chức Việt Nam nào khác.

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010

- **68.553.236** cổ phiếu, đại diện cho Standard Chartered APR Ltd.
- **48.662.619** cổ phiếu, đại diện cho Standard Chartered bank (Hong Kong) Ltd.

Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Thù lao

-

Các khoản lợi ích khác

Không

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

Không

Ông ALAIN CANY

Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính

Nam

Quốc tịch

Pháp

Ngày tháng năm sinh

1949

Địa chỉ thường trú

17/6 Đường số 23, Ấp Bình Khánh 2, P. Bình An, Q. 2,

Ông ALAIN CANY
Thành viên Hội đồng quản trị

			TP. HCM
Nơi sinh	Arles, Pháp	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3822 2340
Quốc tịch	Pháp	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Pháp	Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp Tú tài tại Viện Đại học Paris

Quá trình công tác:

- 1969 - 1984 : Trưởng chi nhánh Credit Commercial De France, Pháp.
- 1985 – 1988 : Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Bộ phận Phát triển kinh doanh Credit Commercial De France, Chi nhánh Hồng Kông.
- 1988 – 1990 : Trưởng đại diện Credit Commercial De France chi nhánh Seoul.
- 1990 – 1994 : Tổng Giám đốc phụ trách Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan, Banque Worms, Chi nhánh Hồng Kông.
- 1994 – 2000 : Tổng Giám đốc phụ trách các hoạt động ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Hồng Kông và Đài Loan, Credit Commercial De France, Chi nhánh Hồng Kông.
- 2000 – 2003 : Trưởng Bộ phận phát triển kinh doanh Châu Âu tại Châu Á Thái Bình Dương, HSBC Châu Á Thái Bình Dương, trụ sở chính tại Hồng Kông.
- 2003 – 2007 : Tổng Giám đốc, Ngân hàng HSBC Việt Nam.
- 8/2007 : Trưởng Đại diện Tập đoàn Jardine Matheson Ltd., Việt Nam.

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Chủ tịch Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam (Eurocham); ▪ Trưởng Đại diện Tập Đoàn Jardine Matheson Ltd. tại Việt Nam; ▪ Trưởng Đại diện Văn phòng Đại diện Rothschild tại Việt Nam.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	56.762.362 cổ phiếu, đại diện cho Connaught Investors Ltd.
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông DOMINIC SCRIVEN
Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam	Quê quán	Luân Đôn
Ngày tháng năm sinh	1963	Địa chỉ thường trú	65 Xuân Thủy, Phường Thảo Điền, Q. 2. TP. HCM
Nơi sinh	Anh	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3823 9355
Quốc tịch	Anh	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Anh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân (danh dự) hoá học (Đại học Loughborough, Anh Quố16d).

Quá trình công tác:

- 1985 – 1986 : Trợ lý các Giám đốc quản lý quỹ đầu tư khu vực Châu Âu và Đông Nam Á, M&G Investment Management.
- 1986 – 1988 : Citi Group Investment Bank.
- 1989 – 1991 : Giám đốc đầu tư tại công ty Quản lý quỹ Sun Hung Kai.
- 1993 – 1994 : Giám đốc đầu tư tại tập đoàn Peregrine, Việt Nam.
- Từ 1994 đến nay: Cổ đông sáng lập và Giám đốc điều hành của công ty Dragon Capital.

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank); ▪ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh (CII); ▪ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	53.249.693 cổ phiếu, đại diện cho Dragon Financial Holdings Ltd.
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông TRẦN HÙNG HUY
Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Tiền Giang
Ngày tháng năm sinh	1978	Địa chỉ thường trú	442 Nguyễn Thị Minh Khai,

Ông TRẦN HÙNG HUỖ

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

P. 5, Q. 3, TP. HCM.

Nơi sinh TP. HCM Số điện thoại cơ quan (84.8) 3929 0999

Quốc tịch Việt Nam Trình độ văn hóa Đại học

Dân tộc Kinh Trình độ chuyên môn Tiến sĩ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 2002 – 02/2004 : Chuyên viên nghiên cứu thị trường Ngân hàng Á Châu.
- 2004 – 2008 : Giám đốc Marketing Ngân hàng Á Châu.
- 2006 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.
- 4/2008 – nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.
Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS).

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010 **23.957.545** cổ phiếu

Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010

- Trần Mộng Hùng (cha): **13.769.879** cổ phiếu
- Đặng Thu Thủy (mẹ): **9.131.328** cổ phiếu
- Trần Đặng Thu Thảo (chị): **8.810.214** cổ phiếu
- Trần Minh Hoàng (em): **9.586.567** cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty Không

Thủ lao -

Các khoản lợi ích khác Không

Hành vi vi phạm pháp luật Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Không

• **Sơ yếu lý lịch thành viên Ban kiểm soát**

Ông HUỖNH NGHĨA HIỆP

Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính Nam Quê quán Tp. HCM

Ngày tháng năm sinh 1953 Địa chỉ thường trú 177bis/43B Cách mạng tháng 8, P.5, Q. 3, TP. HCM

Nơi sinh Tp. HCM Số điện thoại (84.8) 3929 0999

Quốc tịch Việt Nam Trình độ văn hóa Đại học

Dân tộc Kinh Trình độ chuyên môn Đại học Kinh Tế - Ngành Ngân hàng

Ông HUỖNH NGHĨA HIỆP

Trưởng Ban kiểm soát

Quá trình công tác:

- 1978 - 1993 : Giảng viên Đại học Kinh tế.
- 1993 - 1994 : Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu.
- 1994 – 5/2008 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 3/2008 – nay : Trưởng ban kiểm soát ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010 : **148.814** cổ phiếu

Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010 : Nguyễn Thị Nga (vợ): **50.435** cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Thù lao : -

Các khoản lợi ích khác : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Bà HOÀNG NGÂN

Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính	Nữ	Quê quán	Rạch Giá
Ngày tháng năm sinh	1954	Địa chỉ thường trú	134 Hùng Vương, P. 2, Q. 10, TP.HCM
Nơi sinh	Tp. HCM	Số điện thoại	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế - Khoa Kế Tài Ngân

Quá trình công tác:

- 1978 – 10/1988 : Giáo viên trường Trung học Ngân hàng III, TW, Tp. HCM.
- 10/1988 - 2009 : Công tác tại Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn SJC.
- 1993 - 2009 : Thành viên không chuyên trách BKS Ngân hàng Á Châu.
- 5/2009 – nay : Thành viên chuyên trách BKS Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác : Không

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm : **32.382** cổ phiếu

Bà HOÀNG NGÂN

Thành viên Ban kiểm soát

05/02/2010

Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010

Huỳnh Bảo Ngọc (con): **20.252** cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Thù lao

-

Các khoản lợi ích khác

Không

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

Không

Ông TRIỆU CAO PHONG

Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính

Nam

Quê quán

Tp. HCM

Ngày tháng năm sinh

1953

Địa chỉ thường trú

491/5/2 Nguyễn Đình
Chiểu, P. 2, Q. 3, TP.HCM

Nơi sinh

Tp. HCM

Số điện thoại

(84.8) 3929 0999

Quốc tịch

Việt Nam

Trình độ văn hóa

Đại học

Dân tộc

Kinh

Trình độ chuyên môn

Đại học Kinh tế TP.HCM –
Ngành Quản trị Kinh Doanh

Quá trình công tác:

- 1980 - 1992 : Chủ nhiệm Hợp tác xã sản xuất Thảng 5, Tp. HCM.
- 1993 – 2008 : Trưởng Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu.
- 3/2008 – nay : Thành viên ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay

Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác

Không

Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010

92.232 cổ phiếu

Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010

Không

Các khoản nợ đối với Công ty

Không

Thù lao

-

Các khoản lợi ích khác

Không

Hành vi vi phạm pháp luật

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty

Không

Bà PHÙNG THỊ TỐT
Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính	Nữ	Quê quán	Tp. HCM
Ngày tháng năm sinh	1950	Địa chỉ thường trú	57 Đường số 6, P. Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM
Nơi sinh	Thủ Đức.	Số điện thoại	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế - Ngành Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 1978 - 1993 : Giáo viên trường Trung học Ngân hàng III/ Trung Ương Tp. HCM.
- 1993 - 1994 : Nhân viên kế toán tại Ngân hàng Á Châu.
- 1994 - 2002 : Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu.
- 2002 - 2004 : Kiểm toán trưởng Ngân hàng Á Châu.
- 2003 - nay : Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu (thành viên chuyên trách).

Chức vụ hiện nay	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng Á Châu (thành viên chuyên trách)
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Trưởng BKS Công ty cổ phần Địa ốc Á Châu (ACBR).
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	41.407 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng
Ông LÝ XUÂN HẢI
Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính	Nam	Quê quán	Bình Định
Ngày tháng năm sinh	1965	Địa chỉ thường trú	7A/43/15 Thành Thái, P.14, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Nơi sinh	Hà Nội	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999

Ông LÝ XUÂN HẢI
Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị

Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	- Tiến sỹ Vật lý và Toán học (Đại học Tổng hợp Quốc gia Belarus) - Thạc sỹ Kinh tế, chuyên ngành Ngân hàng và Tài chính, (Đại học ESCP Europe và Đại học Paris-Dauphine).

Quá trình công tác:

- 1993 - 1995 : Công ty Trimex – Moscow.
- 1996 - 1997 : Phó Giám đốc Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Hải Phòng.
- 1998 - 2002 : Giám đốc Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Hải Phòng.
- 2002 - 2005 : Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- 2004 - 2005 : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu, Giám đốc Tài chính Ngân hàng Á Châu.
- 6/2005 - nay : Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 3/2008 - nay : Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu, Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	467.307 cổ phiếu.
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông NGUYỄN THANH TOẠI
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Huế
Ngày tháng năm sinh	1953	Địa chỉ thường trú	441/13 Nguyễn Đình Chiểu, P. 5, Q. 3, Tp. HCM.

Ông NGUYỄN THANH TOẠI
Phó Tổng Giám đốc

Nơi sinh	Huế	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế (Đại học Kinh tế Quốc dân Matxcova mang tên Plekhanov - Liên Xô cũ).

Quá trình công tác:

- 1978 - 1984 : Giảng viên Đại học Kinh tế Tp. HCM.
- 1984 - 1990 : Nghiên cứu sinh tại Liên Xô (Cũ).
- 1990 - 1991 : Giảng viên Đại học Kinh tế Tp. HCM.
- 1991 - 1993 : Giám đốc Công ty 3C Tp. HCM.
- 1994 - nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Thành viên HĐQT Công ty Bảo hiểm Nhà rồng; ▪ Phó Chủ tịch HĐQT Trường Đại học Thái Bình Dương; ▪ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp, Tp. HCM.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Lê Thị Cúc (vợ): 1.616.282 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông ĐÀM VĂN TUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Cao Bằng
Ngày tháng năm sinh	1951	Địa chỉ thường trú	94 Đường 1B, Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, Tp. HCM.

Ông ĐÀM VĂN TUẤN
Phó Tổng Giám đốc

Nơi sinh	Quảng Yên	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3832 4274
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Tày	Trình độ chuyên môn	- Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế Tp. HCM). - Thạc sĩ Tài chính ngân hàng (Đại học Khoa học ứng dụng Tây Bắc, Thụy Sĩ).

Quá trình công tác:

- 1992 - 1994 : Giảng viên Trường Ngoại ngữ Doanh Thương Sài Gòn.
- 1993 - 1994 : Giảng viên Đại học Tổng hợp Tp. HCM.
- 1994 - 1995 : Phó Giám đốc Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Sài Gòn.
- 1996 - 2001 : Giám đốc Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Chợ Lớn.
- 2001 - nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
- 10/2009 - nay : Tổng Giám đốc Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA).

Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch kiêm TGD Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Á Châu (ACBA).
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông ĐỖ MINH TOÀN
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Phú Yên
Ngày tháng năm sinh	1971	Địa chỉ thường trú	601/48 L404 Cách Mạng Tháng Tám, P.15, Q.10, Tp. HCM.
Nơi sinh	Phú Yên	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999

Ông ĐỖ MINH TOÀN
Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngân hàng. Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Tp. HCM. Cử nhân Luật - Đại học Luật Tp. HCM. Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh (Columbia Southern University, Hoa Kỳ).

Quá trình công tác:

- 1994 - 1995 : Trợ lý Marketing - Văn phòng Đại diện Ngân hàng ING Barings - Hà Lan.
- 1995 - 1996 : Nhân viên tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu.
- 1996 - 1998 : Phó phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu.
- 1998 - 2003 : Trưởng phòng Tín dụng - Ngân hàng TMCP Á Châu.
- 2003 - 2005 : Giám đốc Khối KHDN - Ngân hàng TMCP Á Châu.
- 2005 – nay : Phó TGD kiêm GD Khối KHDN - Ngân hàng TMCP Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS); ▪ Chủ tịch HĐQT Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng Á Châu (ACBL); ▪ Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đại Á.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	58.632 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Bùi Thị Tuyết Loan (vợ): 100.694 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông BÙI TẤN TÀI
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Cao Lãnh, Mỹ Trà, Đồng Tháp
Ngày tháng năm sinh	1973	Địa chỉ thường trú	1/3 Giang Văn Minh, P. An

Ông BÙI TẤN TÀI
Phó Tổng Giám đốc

			Phú, Q.2, Tp. HCM.
Nơi sinh	Tp. HCM	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế

Quá trình công tác:

- 1995 – 1998 : Nhân viên thẩm định tín dụng Ngân hàng Á Châu
- 1998 – 1999 : Phó phòng thẩm định tín dụng Ngân hàng Á Châu
- 1999 – 2000 : Phó phòng hỗ trợ tín dụng Ngân hàng Á Châu
- 2000 – 2002 : Trưởng phòng hỗ trợ tín dụng Ngân hàng Á Châu
- 2003 – 2004 : Phó Giám đốc sở giao dịch Tp. HCM Ngân hàng Á Châu
- 2004 – 2007 : Giám đốc khối khách hàng cá nhân Ngân hàng Á Châu
- 2/2007 - nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu kiêm Giám đốc Khối KHCN Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Địa ốc Á Châu (ACBR); ▪ Chủ tịch HĐQT Công ty Xuất nhập khẩu Sài Gòn Tourist; ▪ Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Tư vấn đầu tư và chuyển tiền Việt Nam – ICMT.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Trần Thị Đoan Trinh (vợ): 76.976 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông NGUYỄN ĐỨC THÁI HÂN
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Ninh Bình
Ngày tháng năm sinh	1953	Địa chỉ thường trú	1789 Phạm Thế Hiển, P. 6,

Ông NGUYỄN ĐỨC THÁI HÂN
Phó Tổng Giám đốc

			Q. 8, Tp. HCM.
Nơi sinh	Kon Tum	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3834 0541
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Khoa học, ngành vật lý Lý thuyết (Đại học Tổng hợp Tp. HCM).

Quá trình công tác:

- 9/1995 – 02/1996 : Phó Phòng Nghiên cứu và phát triển Ngân hàng Á Châu.
- 7/1996 – 02/1998 : Phó Phòng Tín dụng Ngân hàng Á Châu.
- 02/1998 – 01/2003 : Trưởng Phòng Kinh doanh tiền tệ Ngân hàng Á Châu
- 01/2003 – 07/2008 : Giám đốc Khối Ngân quỹ Ngân hàng Á Châu
- 5/2007 – nay : Giám đốc Khối Ngân quỹ kiêm Trưởng Phòng kinh doanh Ngoại hối, Trưởng phòng Kinh doanh Vàng trực thuộc Khối Ngân quỹ kiêm Giám đốc Trung tâm Giao dịch Vàng Ngân hàng Á Châu.
- 8/2008 - nay : Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	- Giám đốc Khối Ngân quỹ Ngân hàng Á Châu, kiêm Trưởng Phòng kinh doanh Ngoại hối, Trưởng phòng Kinh doanh Vàng trực thuộc Khối Ngân quỹ. - Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Võ Thị Ngọc Lành (vợ): 1.535 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

Ông NGUYỄN VĂN HÒA
Kế toán trưởng

Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Nam
Ngày tháng năm sinh	1969	Địa chỉ thường trú	145/12/5 Nguyễn Thiện Thuật, P. 1, Q. 3, Tp. HCM.
Nơi sinh	Đà Nẵng	Số điện thoại cơ quan	(84.8) 3929 0999
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 8/1995 – 12/1996 : Nhân viên Phòng Kế toán Hội sở Ngân hàng Á Châu
- 12/1996 – 2/1998 : Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng
- 2/1998 – 4/2002 : Kế toán trưởng Hội sở Ngân hàng Á Châu.
- 4/2002 – nay : Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu.

Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng Ngân hàng Á Châu.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	▪ Thành viên HĐQT Ngân hàng Kiên Long; ▪ Thành viên BKS Ngân hàng Đại Á; ▪ Thành viên HĐQT Công ty Xuất nhập khẩu Sài Gòn Tourist.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 05/02/2010	Không
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 05/02/2010	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

4. 13. Tài sản
Đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

Hạng mục	Diện tích (m2)	Nguyên giá (triệu VND)	Giá trị còn lại (triệu VND)
184-186 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	347,2	14.009	8.219

305 Đại Lộ Bình Dương, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	327,47	9.363	7.304
60-62 Lê Hồng Phong, Thành phố Buôn Ma Thuột, DakLak	269,4	1.875	1.256
276 Điện Biên Phủ, P.Chính Giản, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng	163,5	4.079	3.522
265 Cách Mạng Tháng Tám, P. Phước Hiệp, Thị xã Bà Rịa, Bà Rịa-Vũng Tàu	160,2	5.510	4.793
127 Trần Phú, P.4, Quận 5, TP.HCM	87,5	647	285
455 Tô Hiến Thành, Quận 10, Hồ Chí Minh TP.HCM	383,4	28.485	25.906
30/6A Cộng Hòa, P.15, Q.Tân Bình, TP HCM	186,75	2.911	1.361
281 Cách Mạng Tháng Tám, P.7, Quận Tân Bình, TP.HCM	162,6	4.639	3.619
391A Kinh Dương Vương, Quận 6, TP.HCM	1653	13.038	8.605
29 Ter Nguyễn Đình Chiểu, P.Đa Kao, Quận 1, TP HCM	4153	39.194	28.089
2/17+2/18 Cao Thắng, P.5, Quận 3, TP HCM	238,92 +230,66	23.221	18.886
2/20+ 2/21+2/21A Cao Thắng, P.5, Quận 3, TP HCM	232,04 +243,01 +65,80	27.809	22.618
71 Điện Biên Phủ, Phường15, Q Bình Thạnh, TP HCM	1.365	21.970	18.674
15A Hoàng Diệu, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng	880,86	32.221	27.818
80 Quang Trung, Phường Lộc Thọ, TP.Nha Trang, Khánh Hòa	321,21	33.066	29.429
218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	845	6.060	5.636
747 Hồng Bàng, P. 6, Quận 6, TP.HCM	283,2	18.070	14.699
497 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 10, TP.HCM	127,96	5.431	4.399
130-132 Châu Văn Liêm , Quận 5, TP.HCM	325,4	21.517	18.074
D2-03, Lô H4-KP Mỹ Toàn, P.Tân Phong, Quận7, TP HCM	111	3.381	2.806
334 Huỳnh Tấn Phát, Quận 7, TP.HCM	300	13.571	12.124
3A Hùng Vương, Thành phố Cà Mau, Cà Mau	96	5.073	3.939
Thị trấn Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, Hưng Yên	18,026	9.048	7.419
33 Lê Lợi, Phường Xuong Huan, Thành phố Nha Trang, Khánh Hòa	61,08	8.043	7.238
328 Lê Hồng Phong, P.3, Thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa-Vũng Tàu	118,5	7.614	6.802
171 Trần Hưng Đạo, P. Lê Lợi, Thành phố Qui Nhơn, Bình Định	1.561	3.065	2.605
360 Tân Sơn Nhì, P. Tân Sơn Nhì, Quận Tân Phú, TP.HCM	270	8.838	7.895
67 Hùng Vương, P. Phú Cường, Thị xã Thủ Dầu Một, Bình Dương	233,72	7.829	7.307
215 Ông Ích Khiêm, Quận Hải Châu, Đà Nẵng	230,7	9.449	8.882
628 Quang Trung, Gò Vấp	394,5	26.255	25.117
495 - 497 Thống Nhất, P. Kinh Dinh, Thị xã Phan Rang-Tháp Cham, Ninh Thuận	173,36	10.713	10.284

626 Lạc Long Quân, P. 5, Quận 11, TP.HCM	168,9	15.706	15.078
334 - 334A Nguyễn Sơn, P. Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP.HCM	233,49	12.563	12.144
251 Mê Linh, P. Liên Bảo, Thị xã Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	180	7.870	7.634
03 Hoàng Thái Hiếu, P.1, Thị xã Vĩnh Long, Vĩnh Long	368,9	32.277	31.416
318 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP.HCM	254,29	24.195	23.953
6 Quang Trung, Phường Châu Phú B, Thị xã Châu Đốc, An Giang	590,2	13.544	13.453
21 Trần Phú, Thị xã Rạch Giá, Kiên Giang	306,1	7.341	7.293
17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.Tân An, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ	386	5.446	2.431
55 Đặng Văn Bình, P.1, Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp	1.987	15.607	15.607
Tổng cộng		560.540	484.620

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu.

4. 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2010

Một số chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	%tăng/ giảm	Giá trị	%tăng/ giảm
Vốn điều lệ dự kiến	9.376.965	20,0%	11.490.000	22,5%
Tổng tài sản	210.000.000	25,7%	274.670.000	30,8%
Dư nợ cho vay	96.000.000	54,8%	130.080.000	35,5%
Huy động tiền gửi	170.000.000	26,9%	214.130.000	26,0%
Lợi nhuận trước thuế	3.600.000	26,8%	4.142.000	15%
Cổ tức/ 01 cổ phần (đồng)	2.447		2.447	-
Tỷ lệ LNST/Tổng TN ròng	43,0%	0,75%	57%	32,6%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dự báo phát triển kinh tế và ngành ngân hàng Việt Nam năm 2010-2011

Các mục tiêu chung của nền kinh tế năm 2010 do Quốc hội đề ra bao gồm:

- Tốc độ tăng trưởng là 6,5%, lạm phát khoảng 7%.
- Nguồn vốn đầu tư toàn xã hội khoảng 41,5% GDP.
- Kim ngạch xuất khẩu tăng 6% so với năm 2009.

- Bội chi ngân sách nhà nước khoảng 6,2% GDP.

Một số chỉ tiêu phát triển chính của ngành ngân hàng năm 2010 như sau:

- Tốc độ tăng huy động vốn: 18-20%/năm
- Tốc độ tăng tín dụng: 25%/năm
- Tỷ trọng nguồn vốn trung, dài hạn: 33-35% (trong tổng nguồn vốn huy động)
- Tỷ lệ nợ xấu: 5-7% (so tổng dư nợ)
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu: 9%.

Mặc dù Ngân hàng Nhà nước định hướng tăng trưởng tín dụng ở khoảng 25%, thấp hơn nhiều so với mức thực tế 37,73% năm 2009, nguồn thu của ngành ngân hàng từ tín dụng được kỳ vọng sẽ khả quan hơn khi lãi suất cơ bản có khả năng sẽ tiếp tục tăng để kiềm chế lạm phát, lãi biên theo đó có thể cao hơn. Bên cạnh phát triển tín dụng, lợi nhuận ngân hàng năm 2010 dự báo sẽ có sự chuyển dịch nhiều hơn sang các hoạt động phi tín dụng; hay kỳ vọng một năm phát triển tốt hơn của thị trường chứng khoán để có thể tạo thêm nguồn lợi từ hoạt động đầu tư...

Vị thế hiện tại và mục tiêu nhắm đến của ACB đến 2010-2011

ACB đang có vị trí dẫn đầu trong khối các NHTMCP, hiện nay ACB là ngân hàng có tốc độ tăng trưởng cao nhất ngành, có tổng tài sản lớn nhất trong khối NHTMCP và thứ 5 trong ngành (sau 4 NHTMNN).

Mục tiêu của ACB là tiếp tục giữ vị thế hàng đầu trong khối NHTMCP trong suốt 5 năm tiếp theo ở các chỉ tiêu: tăng trưởng (phần đầu cao hơn 2 lần so với tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành), chỉ số tài chính (duy trì ở mức an toàn cao, trong đó ROE cần đạt 25% đến 30%), chất lượng tài sản có, quản lý rủi ro theo thông lệ tốt nhất, các chỉ tiêu tăng trưởng bền vững, hệ thống sản phẩm và kênh phân phối đa dạng, chất lượng dịch vụ tốt. ACB sẽ tiếp tục là NHTMCP có quy mô tổng tài sản lớn nhất trong khối NHTMCP và dần rút ngắn khoảng cách đối với các NHTMNN. Nếu các NHTMNN tiếp tục tăng trưởng bình quân như các năm vừa qua và ACB duy trì tốc độ tăng trưởng cao gấp 1,6 lần tốc độ tăng trưởng chung của ngành (tốc độ tăng trưởng tổng tài sản của ngành ngân hàng Việt Nam 2010-2015 dự kiến khoảng 22%), thì sau đến năm 2015 ACB có thể trở thành đuổi kịp một NHTMNN về quy mô. Tăng trưởng bền vững, mà trước hết là nguồn vốn huy động, là mục tiêu quan trọng nhất trong vòng 5 năm tới của ACB.

Tăng trưởng đối với ACB là nắm bắt thị phần mục tiêu bao gồm dân cư, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, bởi các thành phần kinh tế này có tiềm năng thu nhập và tăng trưởng cao nhất và sẽ ngày càng đóng một vai trò quan trọng hơn trong việc tăng trưởng kinh tế. Dự kiến tới năm 2015 tổng tài sản của ACB sẽ đạt 34,5 tỷ USD (với tỷ giá bình quân năm 2015 dự kiến là 24.887). Tổng tài sản của ACB khi đó đòi hỏi một nguồn vốn tối thiểu (để đảm bảo hệ số an toàn vốn CAR = 8%) đối ứng vào khoảng 38.400 tỷ đồng (trên 1,5 tỷ USD), nếu tỷ lệ và cơ cấu

cho vay của ACB như hiện nay. Quy mô này tương đương quy mô của ngân hàng khu vực và giúp ACB có đủ năng lực cạnh tranh sau khi ngành tài chính ngân hàng Việt Nam hoàn toàn mở cửa.

Để có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng cao, ACB cần dựa vào các động cơ chính sau đây:

Tiếp tục xây dựng và phát triển các sản phẩm ngân hàng truyền thống, kênh phân phối đa dạng trên nền công nghệ cao phù hợp với nhu cầu ngày càng cao và phức tạp của khách hàng. Như đã nêu ở trên, nhu cầu đối với các sản phẩm ngân hàng truyền thống sẽ vẫn tăng rất cao trong bối cảnh thị trường tài chính ngân hàng đang còn sơ khai của Việt Nam (ACB hiện mới chỉ có khoảng 200 sản phẩm, trong khi các ngân hàng ở các thị trường phát triển có thể cung cấp hàng ngàn sản phẩm khác nhau cho khách hàng).

Hoạt động hợp nhất sáp nhập (M&A): bằng việc mua lại hoặc hợp nhất với định chế tài chính khác đã có sẵn thị phần, mạng lưới, cơ sở khách hàng, cũng là mục tiêu của ACB, ACB có thể đạt được những cú nhảy vọt trong tăng trưởng cả về chất và lượng. Nếu trong 17 năm qua ACB chưa thực hiện chiến lược này thì trong 5 năm tới đây là một nghiệp vụ rất cần được quan tâm. Lịch sử của một số ngân hàng hoặc công ty khác trên thế giới trong những năm cách đây không xa đã chỉ ra rằng nếu thực hiện đúng và thành công các giao dịch M&A, một tổ chức đang ở thứ hạng thấp có thể nhanh chóng đạt được vị thế dẫn đầu.

Thành lập các liên minh chiến lược trên cơ sở sở hữu vốn thông qua hoạt động ngân hàng đầu tư của ACB và ACBS: bằng cách phát hành cổ phiếu cho SCB, ACB đã có thêm một cổ đông chiến lược có thể hỗ trợ kỹ thuật cho ACB trong hoạt động ngân hàng. Không những thế ACB cũng sẽ xây dựng liên minh với các đối tác chiến lược khác là các định chế tài chính - phi tài chính có hệ thống mạng lưới rộng, cơ sở hạ tầng tốt (nhất là công nghệ thông tin), cơ sở khách hàng cũng là mục tiêu của ACB. Bằng cách thỏa thuận các liên minh chiến lược, ACB có thể thực hiện bán chéo sản phẩm, rút ngắn thời gian và tiết giảm chi phí tiếp cận khách hàng và chi phí cơ hội. Đây là hoạt động đã được bắt đầu nhưng cần được đẩy mạnh.

Từng bước chuyển ACB thành một tập đoàn tài chính – đầu tư cung cấp các dịch vụ tài chính đa năng theo mô hình quản trị tiên tiến với hoạt động ngân hàng thương mại là hoạt động chính.

4. 15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

ACBS đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức của ACB. Các chỉ số tăng trưởng này đều cao hơn các chỉ số kế hoạch tăng trưởng bình quân của ngành. Các kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức của ACB nêu trong Bản cáo bạch thể hiện rõ nỗ lực, kỳ vọng và quyết tâm tăng trưởng nhanh và liên tục của Ngân hàng trong giai đoạn 2007/2012 về mọi mặt nhằm tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trong hệ thống NHTMCP Việt Nam và dần thu hẹp khoảng cách với các NHTMNN, hướng tới đạt quy mô trung bình của một ngân hàng thương mại khu vực. ACBS cũng đã thảo luận với các thành viên HĐQT, Ban điều hành ACB và thu thập ý kiến của các đơn vị khách quan bên ngoài về dự báo tăng trưởng bền

vững và khả năng sinh lợi của ACB. Như các số liệu đã trình bày ở trên, kể từ khi thành lập, ACB luôn đạt một mức tăng trưởng rất cao và bền vững, cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung của ngành ngân hàng Việt Nam. Với đà phát triển liên tục nhanh và ổn định, chiến lược hoạt động linh hoạt và năng động, năng lực quản trị điều hành của Ngân hàng được đánh giá cao 10 năm qua, chúng tôi cho rằng các kế hoạch lợi nhuận, cổ tức và các mục tiêu phát triển của Ngân hàng có nhiều khả năng đạt được trong điều kiện thuận lợi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ một tổ chức tư vấn dựa trên cơ sở thông tin thu thập được có chọn lọc và cân nhắc một cách khách quan. Tuy nhiên, những nhận xét trên không hàm ý bảo đảm giá chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu dự báo. Những nhận xét này chỉ mang tính tham khảo cho các nhà đầu tư khi ra quyết định đầu tư.

4. 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Các cam kết ngoại bảng

Trong quá trình kinh doanh bình thường, Tập đoàn ACB thực hiện nhiều cam kết khác nhau và phát sinh một số các khoản nợ tiềm tàng, và các cam kết và nợ tiềm tàng được hạch toán vào ngoại bảng. Các cam kết và nợ tiềm tàng bao gồm các khoản bảo lãnh, thư tín dụng. Tập đoàn dự kiến không bị tổn thất trọng yếu từ các nghiệp vụ này.

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		30/9/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thư tín dụng trả ngay	643.724	37,3%	1.465.543	48,7%	2.193.878	47,8%
Thư tín dụng trả chậm	112.764	6,5%	164.314	5,5%	505.715	11,0%
Bảo lãnh thanh toán	235.492	13,6%	316.941	10,5%	465.507	10,1%
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	166.268	9,6%	279.437	9,3%	393.692	8,6%
Bảo lãnh dự thầu	75.841	4,4%	84.478	2,8%	105.669	2,3%
Các bảo lãnh khác	492.799	28,5%	699.818	23,2%	927.870	20,2%
Tổng cộng	1.726.887	100,0%	3.010.531	100,0%	4.592.332	100,0%

Nguồn: Ngân hàng TMCP Á Châu

Cam kết chỉnh sửa Điều lệ

ACB cam kết sẽ bổ sung Điều lệ phù hợp với Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán ngay sau khi được Ngân hàng Nhà nước chuẩn y.

Cam kết về đảm bảo tỷ lệ góp vốn vào ACB theo quy định pháp luật

Công văn số 6207/VPCP-KTTH ngày 1/9/2010 của Văn phòng Chính phủ, Công văn số 3780 ngày 6/6/2008 của Văn phòng Chính phủ, Quy chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu được Bộ Tài chính ban hành và các văn bản pháp luật hiện hành liên quan có quy định rõ về việc đầu tư của các Tập đoàn kinh tế, Tổng Công ty Nhà nước vào các lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm....

ACB cam kết đảm bảo các cổ đông, nhà đầu tư là Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm của ACB tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về đầu tư vào lĩnh vực tài chính ngân hàng.

4. 17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới ACB

Không có.

PHẦN V**CHỨNG KHOÁN CHÀO BÁN**

5. 1. Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông
5. 2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
5. 3. Tổng số chứng khoán đăng ký chào bán : 156.282.751 cổ phiếu
5. 4. Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần

5. 5. Phương pháp tính giá:

Giá phát hành đã được xác định là **10.000 VND/cổ phiếu** (tương đương với mệnh giá) căn cứ vào Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua ngày 10/04/2010.

5. 6. Phương thức phân phối

ACB cùng Tổ chức tư vấn là Công ty TNHH Chứng khoán ACB lập bộ hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, việc phân phối chứng khoán dự kiến sẽ được thực hiện như sau:

Đối tượng được mua: các cổ đông sở hữu cổ phần vào ngày đăng ký cuối cùng theo thông báo của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Xử lý cổ phiếu lẻ: đối với quyền mua số cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng quyền mua cổ phiếu của cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ quyền mua số cổ phiếu lẻ này sẽ được chuyển cho Công Đoàn Ngân hàng TMCP Á Châu để mua làm cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên.

Khi thực hiện quyền, nếu cổ đông không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phần chào bán thì toàn bộ quyền mua số lượng cổ phần còn lại sẽ được chuyển cho Công đoàn Ngân hàng TMCP Á Châu để mua làm cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên.

5. 7. Thời gian phân phối chứng khoán

Kể từ khi Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, ACB sẽ thực hiện việc phân phối chứng khoán ra công chúng tối đa không quá 90 ngày.

5. 8. Đăng ký mua chứng khoán

Việc đăng ký mua cổ phiếu sẽ được thông báo ngay sau khi Ngân hàng nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.

Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của ACB được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. ACB sẽ thực hiện chào bán cổ phiếu trong Quý IV năm 2010 với thời gian dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian (ngày)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán	T
2	Công bố thông tin về đợt chào bán	T+1 đến T+7
3	Ngày chốt danh sách cuối cùng hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	T+11
4	Cổ đông chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu	T+15 đến T+30
5	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T+15 đến T+35
6	Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu	T+35 đến T+40
7	Đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm	T+35 đến T+65

5. 9. Phương thức thực hiện quyền

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 1 (một) cổ phiếu sẽ được 1 (một) quyền mua và cứ 5 (năm) quyền mua sẽ được mua 1 (một) cổ phiếu phát hành thêm.

Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 1 lần, người nhận chuyển nhượng không được nhận chuyển nhượng tiếp cho người thứ 3.

5. 10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Theo quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/4/2007 về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của ngân hàng thương mại Việt Nam), tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm cả cổ đông nước ngoài hiện hữu) và người có liên quan của các nhà đầu tư nước ngoài đó không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng Việt Nam.

5. 11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phiếu mới phát hành thêm sẽ được đăng ký niêm yết bổ sung tại SGDCK Hà Nội và đăng ký lưu ký tại TTLKCK. Việc chuyển nhượng cổ phiếu mới phát hành thêm sẽ được thực hiện theo Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006, các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Chứng khoán và các quy định của SGDCK Hà Nội.

5. 12. Các loại thuế có liên quan

Đối với hoạt động đầu tư chứng khoán

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán trên lãnh thổ Việt

Nam và Thông tư số 72/2006/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC:

Các tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập (trừ Công ty Chứng khoán và Công ty quản lý quỹ) phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ đầu tư chứng khoán. Thu nhập chịu thuế không bao gồm phần lợi tức được chia đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của Pháp luật.

Cá nhân trong nước và nước ngoài đầu tư chứng khoán tại Việt Nam phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ việc đầu tư chứng khoán.

Tổ chức đầu tư nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam và các tổ chức thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam (trừ công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ và các tổ chức nêu tại tiết 2.1, điểm 2, mục III Thông tư số 100/2004/TT-BTC) thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán. Thông tư số 100/2004/TT-BTC cũng nêu như sau “Phần lợi tức được chia đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ các loại trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật của các tổ chức này không phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp”.

Đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Thuế giá trị gia tăng: Phí và hoa hồng chịu thuế giá trị gia tăng 10% theo phương pháp khấu trừ, giao dịch ngoại tệ và vàng chịu thuế giá trị gia tăng là 10% theo phương pháp trực tiếp. Các nghiệp vụ ngân hàng khác không chịu thuế giá trị gia tăng.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng đối với Ngân hàng là 25%.

Các loại thuế khác: Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5. 13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền cổ phiếu

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu là tài khoản của Ngân hàng TMCP Á Châu mở tại Ngân hàng VietBank - HCM, số tài khoản: 1504347.

PHẦN VI

MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

6. 1. Mục đích chào bán

Việc chào bán chứng khoán được tiến hành nhằm thực hiện các mục đích cụ thể sau đây:

- Đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo đúng các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, duy trì chỉ số tài chính cân đối và an toàn.
- Thực hiện kế hoạch hoạt động giai đoạn 2010 – 2015, bao gồm phát triển kênh phân phối, thành lập mới hoặc tăng vốn cho các công ty trực thuộc.
- Tăng quy mô về vốn hoạt động, tăng sức cạnh tranh và mở rộng quy mô cho vay, tài trợ các dự án.

6. 2. Phương án khả thi

Số tiền thu được từ đợt phát hành được sử dụng để đáp ứng nhu cầu về vốn nhằm thực hiện các kế hoạch sau:

- Bảo đảm khả năng và điều kiện về vốn điều lệ để phát triển mạng lưới hoạt động.
- Bảo đảm khả năng về vốn tự có để hiện đại hóa hoạt động Ngân hàng, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như để mua sắm tài sản cố định, xây dựng trụ sở cho các chi nhánh, phòng giao dịch. Dự kiến, cuối năm 2010, ACB sẽ có 285 chi nhánh và phòng giao dịch, năm 2011 sẽ phát triển thêm 95 đơn vị. Như vậy tổng cộng cuối năm 2011, hệ thống ACB có 380 chi nhánh và phòng giao dịch trải rộng trên toàn quốc.
- Tăng quy mô về vốn hoạt động, tăng sức cạnh tranh và mở rộng quy mô cho vay, tài trợ các dự án.

PHẦN VII

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Dự kiến số tiền thu được sau phát hành cổ phiếu tăng vốn:

Số CP phát hành	Giá phát hành (đồng)	Số tiền thu được (đồng)
156.282.751	10.000	1.562.827.510.000

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng cụ thể như sau:

1. 803 tỷ đồng mua sắm thêm tài sản cố định.

- *Đầu tư cho thiết bị văn phòng và công nghệ thông tin 360 tỷ đồng; bao gồm: 70 tỷ đồng để trang bị thêm 200 máy ATM và bảo trì 400 máy ATM hiện có; 51 tỷ đồng cho hệ thống máy chủ; 76 tỷ đồng xây dựng Trung tâm dữ liệu tại Khu công nghệ Phần mềm Quang Trung và Trung tâm dự phòng tại Đồng Nai; 60 tỷ đồng cho hệ thống máy tính phục vụ các đơn vị mới thành lập; và 103 tỷ đồng cho các dự án nâng cao năng lực công nghệ thông tin như xây dựng Kế hoạch tổng thể về CNTT (IT master plan), kho dữ liệu (datawarehouse), hệ thống ngân hàng đa kênh (multi-channel banking system), v.v.*
- *Mua sắm, xây dựng, và sửa chữa lớn trụ sở làm việc khoảng 377 tỷ đồng.*
- *Phương tiện vận chuyển 46 tỷ đồng.*
- *Tài sản cố định khác (chủ yếu là các tài sản phục vụ cho an toàn kho quỹ): 20 tỷ đồng.*

2. 100 tỷ đồng tăng vốn cho Công ty Cho thuê tài chính ACB.

3. 660 tỷ đồng dùng để đáp ứng một phần nhu cầu về vốn trung, dài hạn của khách hàng trong năm 2010. Nhu cầu giải ngân vốn trung dài hạn của các khách hàng chính đã đăng ký với ACB trong năm 2010 khoảng 7.133 tỷ đồng.

Ngoài ra, hiện nay NHNN cho phép các ngân hàng cho vay vào các lĩnh vực khác nhau dựa trên quy mô vốn điều lệ. Chính vì vậy nâng vốn là biện pháp cần thiết để tăng cường năng lực cho vay của ACB nhằm đáp ứng tốt nhu cầu vay vốn của khách hàng là dân cư và tổ chức kinh tế.

PHẦN VIII**CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN****7. 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN****CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB (ACBS)**

Trụ sở : Số 107N Trương Định, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84-8) 54.043.054

Fax : (84-8) 54.043.085

Website : www.acbs.com.vn

7. 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS (VIỆT NAM)**

Trụ sở : Lầu 4 Sài Gòn Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 38 230 796

Fax : (08) 38 251 947

PHẦN IX

PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** : Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. **Phụ lục II** : Bản sao hợp lệ Điều lệ Ngân hàng Á Châu.
3. **Phụ lục III** : Công văn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chấp thuận cho Ngân hàng Á Châu tăng vốn điều lệ lên 9.376.965.060.000 đồng.
4. **Phụ lục IV** : Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2008, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng ACB kiểm toán năm 2009, báo cáo tài chính hợp nhất và riêng ACB kiểm toán 6 tháng 2010.
Báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng 2010.
5. **Phụ lục VI** : Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
6. **Phụ lục VII** : Công văn tự đánh giá xếp loại của Ngân hàng Á Châu năm 2009 và Thông báo kết quả xếp loại năm 2009 đối với Ngân hàng Á Châu của Cơ quan Thanh tra Giám sát ngân hàng.
7. **Phụ lục VIII** : Bảng kê tài sản nhà cửa thuộc sở hữu Ngân hàng tính đến ngày 30/9/2010.
8. **Phụ lục IX** : Danh sách chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn hệ thống ACB đến ngày 30/9/2010.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2010

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG TMCP Á CHÂU



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRẦN XUÂN GIÁ

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB



Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NGỌC CHUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]

LÝ XUÂN HÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

NGUYỄN VĂN HÒA

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

[Signature]

HUYỀN NGHĨA HIỆP